

CHƯƠNG III

VIỆT NAM ĐÃ VÀ ĐANG ĐI VÀO THẾ CHIẾN LƯỢC QUỐC TẾ MỚI NHƯ THẾ NÀO?

Để đi vào thế chiến lược quốc tế mới, nguyên tắc là cần triệt tiêu các nhân tố của chiến lược cũ (bất ổn, nội loạn và chiến tranh), hình thành các nhân tố của chiến lược mới (hoà bình, ổn định và trung lập). Nhưng ai triệt tiêu và triệt tiêu bằng cách nào? Vẫn theo nguyên tắc thì ai tạo ra các công cụ chiến lược cho mình thì có nhiệm vụ triệt tiêu các nhân tố theo cách nào đó, tùy tình hình cụ thể từng nơi, từng lúc. Vậy những nguyên tắc đã được triển khai vào thực tế như thế nào?

Thực tế tại Đông Dương các chế độ cực tả và cực hữu là các nhân tố của chiến lược cũ đã tạo ra sự bất ổn, nội loạn và chiến tranh cần phải triệt tiêu tất cả, để hình thành các nhân tố mới là hoà bình, sự ổn định và trung lập. Qua diễn biến tình hình thực tế, dường như có sự phân công: Mỹ có nhiệm vụ chủ động triệt tiêu các chế độ cực hữu do mình dựng nên và cuu mang. Tiếp đến, Trung

Cộng làm nhiệm vụ triệt hạ các chế độ cực tả từng là công cụ chiến tranh của họ và Liên Xô, hình thành các chế độ mới trên cơ sở hoà hợp dân tộc (đối nội), trung lập (đối ngoại) để ổn định và phát triển. Trong điều kiện này, Nhật sẽ đóng vai trò chủ đạo công cuộc đầu tư khai thác vùng này cùng với các nước giàu khác. Tất nhiên nổi bật vẫn là đại cường quốc Hoa Kỳ về đầu tư và Trung Cộng với vai trò canh sát khu vực được thừa nhận.

Vậy thì đối chiếu vào tình hình Việt Nam, có thể nói quá trình đi vào thế chiến lược quốc tế mới đã và đang trải qua ba bước:

- Triệt tiêu chế độ cực hữu ở Việt Nam (đã hoàn tất).
- Triệt tiêu chế độ cực tả ở Việt Nam.
- Hình thành nhân tố chiến lược mới (hoà bình, ổn định) để phát triển. (Hai bước sau đã và đang xảy ra).

BƯỚC MỘT:

TRIỆT TIÊU CHẾ ĐỘ CỰC HỮU VIỆT NAM CỘNG HOÀ: AI ĐÃ TRIỆT TIÊU VÀ TRIỆT TIÊU NHƯ THẾ NÀO?

Như mọi người đều biết, tình hình ba nước Đông Dương vào những tháng đầu năm 1975 khá sôi động và biến chuyển rất nhanh đưa đến sự sụp đổ cũng rất nhanh của các chế độ cực hữu do Mỹ khai sinh, nuôi dưỡng tại Đông Dương:

- Ngày 17 -4 -1975 chế độ Cộng Hoà Kampuchia của Tướng Lon Nol sụp đổ, Khmer Đỏ nắm quyền, thiết lập chế độ cực tả Cộng Hoà Nhân Dân Kampuchia của Pol Pot
- Ngày 30 -4 -1975 chế độ Việt Nam Cộng Hoà ở

miền Nam Việt Nam sụp đổ, Cộng sản Bắc Việt nắm quyền, thiết lập chế độ Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam trên toàn cõi Việt Nam.

- Ngày 2-12-1975 chế độ Phouma trung lập thân Mỹ ở Lào cáo chung, đưa Cộng sản Pathet Lào lên nắm quyền với chế độ cực tả Cộng Hoà Dân Chủ Nhân Dân Lào.

Riêng tại Việt Nam, nhìn lại diễn biến tình hình trước khi chế độ VNCH sụp đổ, người ta sẽ thấy nhiều dấu hiệu chứng tỏ như có sự chủ động sắp xếp của Mỹ trong việc triệt tiêu chế độ cực hữu ở miền Nam Việt Nam.

I. Những Dấu Hiệu Chứng Tỏ Mỹ Chủ Động Một Quá Trình Triệt Tiêu Chế Độ VNCH.

Thực vậy, trong chiến lược quốc tế cũ Mỹ đã đạo diễn dựng lên ở MNVN chính quyền và chế độ VNCH như một công cụ gián chỉ sự bành trướng của CS, thì nay trước yêu cầu của chiến lược mới để chế độ này tồn tại thì không được rồi vì sức tự tồn quá yếu, Mỹ cần dẹp bỏ công cụ không còn thích dụng này là điều tất yếu. Dẹp bằng cách nào? Ra lệnh hay khuyến cáo chính quyền, quân lực VNCH buông súng đầu hàng CS để tự huỷ chế độ VNCH ư? Ra lệnh thì không, nhưng khuyến cáo gián tiếp bằng các hình thức thả nổi về một chính phủ liên hiệp với CS đã có, song đã bị lập trường “Bốn Không” của người đứng đầu chế độ là ông Nguyễn Văn Thiệu cự tuyệt. Vậy chỉ còn cách triệt tiêu chế độ này bằng một kế hoạch “muợn gió bẻ măng” được thực hiện theo một quá trình sao cho bề ngoài có vẻ tự nhiên.

Khởi đầu quá trình Mỹ đưa ra và thực hiện kế hoạch “Việt Nam hoá chiến tranh” sau khi cường độ chiến

tranh đạt tới đỉnh cao, đánh dấu bằng biến cố Tết Mậu Thân 1968, với việc Cộng quân đồng loạt tấn công vào các thành thị miền Nam bị thảm bại. Nội dung kế hoạch này nhằm trao gánh nặng chiến tranh trở lại cho nhân dân miền Nam làm công việc “tự bảo vệ tự do chống xâm lăng CSBV”. Để làm được công việc này, Mỹ cam kết sẽ trang bị hoà lực đầy đủ cho một triệu quân chính qui QLVNCH, với viện trợ kinh tế, quân sự theo yêu cầu . . . để đủ sức thay Mỹ ngăn chặn CS. Lý do được công bố là vì QLVNCH theo đánh giá của Mỹ, đã đủ sức đánh bại cuộc xâm lăng của CS. Và rằng đã đến lúc các dân tộc phải gánh lấy trách nhiệm tự bảo vệ với sự hỗ trợ của Hoa Kỳ. Vì Hoa Kỳ muốn tôn trọng quyền tự quyết của dân tộc. Thế nhưng thực tế cho thấy đó chỉ là lý do giả tạo. Thực chất là đã đến lúc Mỹ phải tìm cách rút chân ra khỏi cuộc chiến tranh Việt Nam một cách danh dự, vì áp lực của các phong trào phản chiến Mỹ ngày một lên cao và lan rộng qua nhiều nước Tây phương. Thực tế là, Mỹ đã đi từ bí mật đến công khai đàm phán với CSBV tại Hội nghị Paris về chấm dứt chiến tranh Việt Nam. Mỹ đã thực hiện điều này mà không cần sự đồng ý của chính phủ VNCH, dù trên nguyên tắc Mỹ từng thừa nhận như chính quyền của một quốc gia độc lập, có chủ quyền. Có lẽ vì nhu cầu cấp bách, chính quyền Mỹ lúc đó đã bỏ qua nguyên tắc này, công khai ép chính phủ VNCH phải ngồi vào bàn Hội nghị Bốn bên ở Paris, đặt chính phủ này ngang hàng với chính phủ Cách Mạng Lâm Thời Cộng Hoà Miền Nam Việt Nam của Mặt Trận Dân Tộc Giải Phóng Miền Nam Việt Nam, mà ai cũng biết là công cụ chính trị của CSBV. Sau cùng để đạt được ý đồ riêng, Mỹ đã thúc ép chính phủ VNCH ký vào bản Hiệp định Paris ngày 27

-1 -1973. Theo tài liệu sau này được biết, để có được bản hiệp định này, Mỹ đã phải sử dụng cả bàn tay nhưng lẫn bàn tay sắt với chính quyền VNCH. Một mặt dùng các lời cam kết, hứa hẹn mật ngọt vừa công khai vừa bí mật, rằng VNCH cứ an tâm, Mỹ sẽ thực hiện lời hứa viện trợ kinh tế, quân sự dồi dào để cho một triệu binh sĩ QLVNCH đủ sức làm công việc tự bảo vệ. Rằng Mỹ cam kết sẽ giáng đòn trừng phạt lập tức, nếu CSBV có hành động vi phạm Hiệp định v. v. (những bức thư trao đổi giữa TT Nixon và TT Thiệu). Điều thuận lợi cho Mỹ đạt ý đồ là cá nhân TT Thiệu và tập đoàn lãnh đạo chế độ VNCH không biết vì tin hay nể sợ, đã ký vào bản hiệp định. Có thể là cả hai. Có thể niềm tin và sự nể sợ ấy đã đặt trên những nhận định xem ra có cơ sở. Rằng lời hứa của một đại cường quốc, nhất nữa lại có sự đảm bảo bí mật của vị Tổng thống của đại cường quốc ấy, ắt là phải có giá trị tuyệt đối. Rằng với sự “vàng lời” này, Mỹ sẽ không thể truất phế họ, vì họ đã làm đúng ý đồ của Mỹ. Rằng chắc chắn Mỹ không thể bỏ MNVN rơi vào tay CSBV vì họ đã đầu tư quá nhiều tài lực và nhân lực vào cuộc chiến này. ... Thế nhưng tất cả chỉ là sự làm lẫn, một sự làm lẫn mà khi biết ra sự thật thì đã quá muộn màng. Sự thật là Mỹ đã quyết định truất phế không phải riêng cá nhân những kẻ cầm quyền, mà triệt tiêu luôn cả cái chế độ mà bao lâu nay họ được Mỹ cho nắm quyền bính. Rằng lời hứa chính trị thường không có bảo chứng, nhất nữa lời hứa ấy lại là lời hứa của một cường quốc với một công cụ bản xứ, chẳng khác nào lời hứa của một người cha với một đứa con cứng đầu, chỉ cốt hứa cho qua chuyện. Vì đưa ra lời hứa là quyền của cha, còn vàng lời là bổn phận của con! Rằng mặc dầu Mỹ đã đầu tư quá nhiều vào cuộc

chiến tranh Việt Nam, kể cả máu của trên 56.000 binh sĩ Mỹ, nhưng Mỹ vẫn có thể bỏ rơi cuộc chiến, để cho MNVN rơi vào tay CS, nếu như theo sự tính toán của các nhà đầu tư chiến tranh Mỹ, cuộc chiến đến đây đã đạt mức lời tối đa, cần thay đổi cung cách đầu tư mới nếu không muốn bị phá sản. Nói cách khác, đầu tư là phải có lời, nhưng nếu thấy cung cách làm ăn cũ không còn đem lại lợi nhuận, lại có nguy cơ bị phá sản, tất nhiên các nhà đầu tư phải thay đổi qua cách đầu tư mới thích dụng. Để sáng tỏ điều này, chúng ta đọc lại bài diễn văn nhậm chức của Tổng thống Hoa Kỳ R. Nixon ngày 20 -1 -1969. Trong phần mở đầu ông ta nói như một khẳng định là phải nhanh chóng rút quân đội Mỹ ra khỏi cuộc chiến tranh Việt Nam, để tiến tới sự dàn xếp trong khuôn khổ một chính sách toàn cầu mới. Bằng những lời hay ý đẹp nhằm lôi kéo sự ủng hộ của nhân dân Mỹ và phô trương với thế giới, Nixon nói “*Danh hiệu người đem lại hoà bình là vinh dự lớn nhất mà lịch sử sẽ ban cho ai làm được việc đó.*”(6) Rồi ông ta cam kết sẽ thực hiện được việc đó, để “*Giờ đây vinh dự này đang báo hiệu rằng nước Mỹ sẽ hướng dẫn thế giới ra khỏi thời kỳ biến động và đưa đến nền tảng cao quý của hoà bình mà loài người hằng mơ tưởng từ buổi đầu của nền văn minh...*” (7).

Chính vì hứa hẹn sẽ đạt được một nền hoà bình tại Việt Nam mà Nixon đã đặc cử với chủ trương “Phi Mỹ hoá chiến tranh...” và “Hoà bình trong danh dự...”

Như vậy, để sớm đi vào chiều hướng chiến lược quốc tế mới hay là cung cách làm ăn mới, theo sự tính toán của giới cầm quyền Mỹ, vốn là công cụ của các thế lực tư bản tài phiệt Mỹ, thì cần đẩy mạnh quá trình triệt tiêu chế độ

công cụ cũ Việt Nam Cộng Hoà. Bằng cách nào để kết thúc nhanh gọn, vì không thể tiếp tục dính líu để duy trì chế độ này. Một cách tổng quát có tính nguyên tắc là người Mỹ thấy cần tác động một cách tự nhiên vào ba trụ cột chống đỡ cho chế độ VNCH tồn tại: Chính trị, kinh tế, quân sự. Vì điều kiện ắt có (và đủ là Mỹ) chế độ VNCH chỉ tồn tại được nếu chính trị, kinh tế, quân sự ổn định và vững mạnh. Nay nếu muốn chế độ này sụp đổ và sụp đổ nhanh thì cần tác động cách nào đó làm cho ba trụ cột này suy sụp theo một tốc độ phù hợp. Nhưng ai có thể thực hiện được tác động có hiệu quả mà vẫn bảo đảm được tính tự nhiên của sự sụp đổ, nhất là hạn chế tai tiếng cho “nước bạn đồng minh Hoa Kỳ” càng nhiều càng tốt. Đến đây người ta nghĩ không ai có thể thực hiện tác động này tốt hơn là C. I. A., cơ quan Tình báo Trung ương Hoa Kỳ, đã từng lập thành tích xuất sắc trong công tác khuynh đảo ở Việt Nam và nhiều nước khác. Thực tế là C. I. A. đã tỏ ra xứng đáng với sự tin cậy của giới cầm quyền Mỹ.

II. Thực Trạng Các Trụ Cột Chống Đỡ Chế Độ VNCH Trước Khi Sụp Đổ.

1) TRƯỚC HẾT ĐỐI VỚI TRỤ CỘT CHÍNH TRỊ ĐÃ ĐƯỢC NHẬN ĐỊNH RA SAO?

Người ta đã nhận định tổng quát lực lượng chống Cộng trong thời điểm này ở miền Nam đang ở thế phân tán. Trung tâm quyền lực nằm trong tay giới quân sự nắm quyền với sự hậu thuẫn của quân đội. Chung quanh trung tâm quyền lực này là lực lượng chống Cộng thuộc “các đảng phái quốc gia” và “các tôn giáo chống Cộng”. Kể từ sau khi lật đổ chế độ “độc tài gia đình trị”, khai sinh ra nền Dân chủ Cộng hoà, các lực lượng chống Cộng vừa kể

đều bị phân hoá bởi chính sách “Chia để trị” của C.I.A. Bằng cách nào? Bằng quyền và lợi. Một cách cụ thể là những chiếc ghế ngồi vị trong chính quyền, quân đội và đồng đô-la trong khung cảnh một chế độ “cai thầu chống Cộng”. Với chế độ này, Mỹ không cần dùng những nhà chính trị có tinh thần độc lập dân tộc và có tài lãnh đạo sáng tạo, mà chỉ cần những chuyên viên có năng lực thực hiện trung thành đường lối và sách lược chống Cộng của Hoa Kỳ, với sự đài thọ toàn diện của đồng đô-la Mỹ. Sau khi lật đổ chế độ Ngô Đình Diệm, giới tướng lãnh Quân lực VNCH đã trúng cuộc đấu thầu của Mỹ sau khi trải qua một cuộc đấu thầu gay go, đưa đến sự phân hoá ngay trong hàng ngũ tướng lãnh, chia rẽ nội bộ các đảng phái và các giáo phái chống Cộng. Chính sự phân hoá này đã làm suy yếu sức mạnh chống Cộng và tất yếu dẫn đến sự lệ thuộc hoàn toàn vào Hoa Kỳ của các lực lượng chống Cộng ở miền Nam. Một khi đã lệ thuộc hoàn toàn, trong mọi trường hợp Mỹ có thể leo lái theo ý muốn của mình. Thực tế đã chứng minh qua các hoạt cảnh diễn ra sau ngày đảo chính Ngô Đình Diệm, với chính lý tranh giành quyền lực giữa các phe phái tướng lãnh để sau cùng thiết lập được một chính quyền dân sự hoá về hình thức cho phù hợp với chế độ cộng hoà, song thực chất vẫn là chính quyền quân sự. Trong chính quyền này các tướng lãnh với tư cách người trúng thầu vẫn nắm những ngôi vị tối cao, nhưng không “độc quyền chống Cộng”, mà có sự chia sẻ phần nào cho các đảng phái và tôn giáo một số ngôi vị thứ yếu. Chính sự chia sẻ này mà có lúc vì quyền lợi phe phái đã đưa đến những cuộc xung đột trong nội bộ một tôn giáo và giữa các tôn giáo, sự phân hoá nội bộ các đảng phái cũ và đẻ thêm ra nhiều

đảng phái mới. Những đảng phái cũ tiêu biểu như Việt Nam Quốc Dân Đảng, Đại Việt Cách Mạng... là những đảng vốn có truyền thống đấu tranh cho nền độc lập dân tộc, cho lý tưởng tự do dân chủ mà cũng bị phân hoá thành nhiều hệ phái, người ra tham chính, kẻ chủ trương tẩy chay ở vị thế đối lập chống độc tài. . . Những đảng phái mới thì có quá nhiều đảng khuynh hướng xu thời, xoi thịt. Nhiều chính đảng chỉ có lãnh tụ và nhân sự lãnh đạo mà không có đảng viên, chỉ cốt có bằng hiệu hợp pháp để có điều kiện tranh thầu hay ít ra được chia sẻ với những lực lượng trung thâu chống Cộng. Vì thực tế một số đảng đã được giới tướng lãnh trung thâu chia sẻ cho chút ít quyền hành để làm nhẹ bớt áp lực quấy phá. Tựu chung, trong thời điểm này các chính trị gia chân chính chỉ là thiểu số so với một đa số chính đảng xoi thịt, với các chính trị gia sa-lông, chống Cộng bằng mồm để thủ lợi hơn là vì lý tưởng và mục tiêu bảo vệ chế độ tự do dân chủ ở miền Nam Việt Nam.

Tình hình các đảng phái chính trị thì như thế, các lực lượng chống cộng của các giáo phái thì sao?

Lực lượng Phật giáo bị phân hoá thành hai: Một là lực lượng Phật giáo Ấn Quang của Thượng toạ Thích Trí Quang, bị coi là thân cộng hay ít ra bị CS lung đoạn, nên đã có những hoạt động đấu tranh chống chính quyền Thiệu - Kỳ liên tục. Thực ra, cá nhân Thượng toạ Trí Quang có thể không là CS, nhưng phong trào đấu tranh do ông phát động đòi "Hoà bình, Dân sinh, Dân chủ" đã bị cả Cộng sản lẫn C.I.A. lung đoạn để đạt ý đồ chiến lược khác nhau lúc đầu (Mỹ chia để trị - Cộng làm suy yếu kẻ thù). Hai là lực lượng Phật giáo Việt Nam Quốc Tự của Thượng toạ Thích Tâm Châu được coi là có khuynh hướng chống cộng, ủng hộ chính quyền. Hai lực lượng

Phật giáo này do lập trường chính trị khác biệt và do sự kích động của cả bên lẫn thù, nên đã có lúc cả hai quên đức từ bi hỉ xả của tôn giáo mình, xung đột nhau đến đổ máu.

Trong khi đó lực lượng Công giáo cũng bị phân hoá không kém. Một là khối Công giáo Bắc kỳ di cư năm 1954 có tiếng là chống cộng cực đoan, bởi họ đã có một số kinh nghiệm cọ sát với Việt Cộng. Lãnh tụ của khối này là Linh mục Hoàng Quỳnh, trước 1954 từng là Tổng Chỉ huy Lực lượng Kháng chiến Khu Tự trị Phát Diệm (nên thường được gọi là “Cha Tổng”). Lực lượng này cũng đã có nhiều hoạt động đấu tranh ủng hộ các chính quyền chống cộng, chống thân cộng và chống trung lập... đưa đến xung đột với lực lượng tôn giáo khác, đưa đến tình hình miền Nam xáo trộn một thời. Con đẻ của lực lượng Công giáo này là tổ chức Lực lượng Đại Đoàn Kết với ông Nguyễn Gia Hiến lãnh tụ, sau trở thành thượng nghị sĩ của nền Đệ nhị Cộng hoà cùng với liên danh Đại Đoàn Kết của lực lượng này. Đối lập với lực lượng Công giáo chống cộng tham chính này là lực lượng Công giáo có tiếng là thân cộng, chống chính quyền của nhóm linh mục cấp tiến của các ông Chân Tín, Nguyễn Ngọc Lan, Trương Bá Cần, Huỳnh Công Minh, Phan Khắc Từ, Vương Đình Bích, Trần Tam Tĩnh... Nhóm này có khuynh hướng đấu tranh tương tự như lực lượng Phật giáo Ấn Quang là tổ chức các cuộc xuống đường biểu tình đòi dân sinh, dân chủ... Tất nhiên, “mặt đầu ruồi bu đây”, lực lượng này cũng được cả CS lẫn C.I.A. lợi dụng theo ý đồ riêng. Đứng giữa hai khuynh hướng vừa kể là khuynh hướng chống cộng ôn hoà của Nhóm Công giáo miền Nam, tiêu biểu là Chủ tịch Thượng viện VNCH

Nguyễn Văn Huyền và liên danh Bông Huệ. Có lẽ nhờ khuynh hướng ôn hoà này, ông Nguyễn Văn Huyền đã được Mỹ chọn cho một giải pháp trái độn cuối cùng, là làm Phó Tổng thống chỉ định ngoài Hiến pháp với Tổng thống hoà giải hoà hợp Dương Văn Minh ? Khuynh hướng Công giáo ôn hoà này có lẽ gần với chủ trương đòi hoà bình, đòi dân sinh dân chủ của khối Phật giáo Ấn Quang, nên người được khối này ủng hộ cũng đã có mặt trong giải pháp cuối cùng là giáo sư Vũ Văn Mẫu trong chức vụ Thủ tướng chính phủ hoà giải ?

Ngoài các lực lượng chính trị của hai tôn giáo lớn, là lực lượng chính trị Phật giáo Cao Đài Tây Ninh và Phật Giáo Hoà Hảo ở miền Tây. Do mối cựu thù với Việt Minh, các lực lượng chính trị của hai tôn giáo này đều có khuynh hướng chống cộng quyết liệt. Riêng Phật Giáo Hoà Hảo còn vô trang cho lực lượng của mình để tự bảo vệ.

Nhìn chung hầu hết các lực lượng chính trị của các giáo phái ở miền Nam đã tỏ ra có thực lực và ý chí chống cộng, nhưng tính tổ chức, kỷ luật không cao, nên chỉ có sức mạnh của một phong trào, không có sức mạnh đấu tranh bền bỉ và có hiệu quả. Đồng thời, các lực lượng tôn giáo đều mang tính cục bộ, thiếu sự đoàn kết, thống nhất về mục tiêu, nên dễ bị phân hoá, lợi dụng, khuynh đảo.

2) NHẬN ĐỊNH CỘT CHÍNH TRỊ THÌ NHƯ THẾ, "TRỤ CỘT KINH TẾ" THÌ SAO?

Ai cũng biết nền kinh MNVN hoàn toàn lệ thuộc. Bao lâu nay Mỹ như nuôi cả chính quyền, quân đội và nhân dân miền Nam để chỉ làm công việc chống cộng. Không những Mỹ đã viện trợ vũ khí đạn dược, quân trang quân

dụng đòi hỏi cho quân đội, mà còn viện trợ lúa gạo lượng thực, thực phẩm, quần áo, thuốc men. . . cho nhân dân MNVN ăn no diệt Cộng. Như vậy chế độ VNCH tồn tại hay không trên cột kinh tế này là hoàn toàn tùy thuộc vào thái độ cư xử của chính phủ Hoa Kỳ. Nói tóm tắt, Mỹ là người nắm hầu bao chế độ VNCH, quyền thất, mở là quyền của họ. Và do đó việc sinh tử của chế độ VNCH về mặt kinh tế cũng như nhiều mặt khác nằm trong tầm tay của Hoa Kỳ. Và vì vậy viện trợ hay cắt viện trợ thường là biện pháp được Hoa Kỳ sử dụng để nuôi sống hay bóp chết mọi chế độ lệ thuộc như Việt Nam.

3) CÒN “TRỤ CỘT QUÂN SỰ” THÌ SAO?

Có thể nói đây là trụ cột chủ yếu trong ba trụ cột cơ bản chống đỡ cho chế độ VNCH tồn tại và cũng là công cụ chống cộng chủ yếu. Sức mạnh của trụ cột quân sự có được là nhờ trang bị vũ khí, hỏa lực mạnh, quân đội có kỷ luật và tinh thần chiến đấu cao, tướng lĩnh chỉ huy tài giỏi, gắn bó với quân sĩ, đoàn kết quần dân. . . Thế nhưng, vì quân lực VNCH được tổ chức huấn luyện trang bị bởi Hoa Kỳ, nên sức mạnh ấy tồn tại được hay không trước hết cũng tùy thuộc vào cách cư xử của Hoa Kỳ. Vào thời điểm này, theo tài liệu được công bố, thì với số đạn được trang bị hiện có, quân lực VNCH có thể chiến đấu tự tồn ít nhất hai năm nếu tổ chức quân đội không bị phá vỡ và tinh thần kỷ luật, tinh thần chiến đấu của binh sĩ không bị băng hoại. Vì với một triệu quân trên nguyên tắc hay 600.000 quân chiến đấu dưới cờ, mà được trang bị đúng như lời cam kết của Mỹ (chưa kể các lực lượng bán quân sự khác như Xây Dựng Nông Thôn, Cảnh Sát Quốc Gia, Nhân Dân Tự Vệ trong đó có lực lượng quân sự đáng kể của các giáo phái như Công giáo, Phật giáo Hoà Hảo. . .)

thì chắc chắn chế độ VNCH sẽ tồn tại được thêm thời gian, dù ngày nào chung vẫn không tránh khỏi, nếu như đó là ý định của Mỹ. Bởi một khi Mỹ đã có ý định như thế, họ chỉ cần tác động vào hai yếu tố tâm lý chính trị và viện trợ quân sự, là có thể phá huỷ dễ dàng trụ cột quân sự này của chế độ VNCH. Thực tế Mỹ chỉ cần công bố “cắt viện trợ quân sự” là có tác dụng ngay đến tinh thần chiến đấu và sức mạnh của quân lực VNCH.

4) NGƯỜI MỸ ĐÃ TÁC ĐỘNG VÀO BA TRỤ CỘT CHẾ ĐỘ VNCH NHƯ THẾ NÀO?

Đến đây sau khi phân tích để nhận định thực trạng của ba cây trụ cột chống đỡ cho chế độ VNCH tồn tại, nay người Mỹ không muốn chế độ này tồn tại, họ chỉ cần tác động vào ba trụ cột để đạt được ba ý đồ sau:

- Làm rối loạn các cơ quan đầu não chính quyền, quân đội, đưa chế độ vào tình trạng như “rắn mất đầu”, hỗn loạn hỗn quan, “trống đánh xuôi, kèn thổi ngược”, chế độ như một cơ thể bị tê liệt toàn thân nằm chờ chết.

- Triệt hạ uy tín cá nhân, bôi đen mọi “lãnh tụ chống cộng” và bất cứ ai có khả năng qui tụ được quần chúng tiếp tục chống cộng. Đồng thời phân hoá và làm tan rã các tổ chức, lực lượng chống cộng.

- Tạo ra bầu không khí hoang mang, giao động tâm lý, gây bất ổn chính trị làm mất định hướng và tê liệt ý chí chống Cộng dẫn đến tinh thần chủ hoà, chủ bại, chán ghét chiến tranh trong mọi tầng lớp nhân dân MNVN, nhất là phá đổ tổ chức quân đội, phá nát kỷ luật và tinh thần chiến đấu vốn là sức mạnh của quân lực VNCH.

Trên thực tế, để đạt được các ý đồ trên, “người bạn đồng minh Hoa Kỳ” đã tác động một cách chủ động vào

tình hình trong những năm tháng cuối cùng của chế độ VNCH như thế nào?

Sự kiện có ý nghĩa đầu tiên và xa nhất đáng ghi nhận là vụ CSBV gài người vào tận cơ quan đầu não chế độ VNCH đã lâu mà nay mới phát hiện. Vụ này đã được chính người Mỹ, cụ thể là CIA cho nổ ra vào đúng thời kỳ “Việt Nam hoá chiến tranh” mới bắt đầu đi vào thực hiện và Hội nghị Paris về Việt Nam cũng mới khởi sự ít lâu. Biến cố này như phát súng đầu tiên bắn vào bộ não chế độ VNCH, có tác dụng gây hoang mang, giao động và sự hoài nghi trong quân dân MN cũng như trong nội bộ chính quyền. Uy tín cá nhân T. T. Thiệu bị thử thách, và đã tỏ ra lúng túng không biết trả lời sao khi Phụ tá, Cố vấn của ông là điệp viên CS. Người ta tự hỏi Tình báo VNCH không biết đã đánh (vì bấy lâu nay thường ỷ y dựa vào tình báo Hoa Kỳ), không lẽ cơ quan CIA của Mỹ lại kém cỏi đến độ không biết từ lâu nay CSBV đã gài người vào cấp cao nhất của chế độ như thế ư? Tại sao vụ này đã chỉ được CIA đặt ra với T. T. Thiệu vào trung tuần tháng Chạp năm 1968 mà không thể sớm hơn?

Như mọi người đã biết, đó là vụ “Cụm tình báo chiến lược A22” của CSBV, với hai can phạm chính là Huỳnh văn Trọng, Phụ tá nổi và Vũ Ngọc Nhạ, Cố vấn chìm của T. T. Thiệu. Theo tài liệu được biết, thì chính CIA đã gợi ý với T. T. Thiệu về một lưới điệp viên CSBV đã gài trong Phủ Tổng thống. Lúc ấy ông Thiệu mới cho đòi Tướng Trần Văn Hai, Tư lệnh CSQG đến phúc trình về vụ này. Sau đó CIA thường xuyên cung cấp cho T. T. Thiệu những tin tức liên quan khác. Danh sách những người bị tình nghi có liên quan ngày càng dài thêm và tình hình trở nên rối rắm. Chính ông Nguyễn Văn Hương, Tổng thư ký

Phủ Tổng thống cũng bị nghi ngờ. Nhưng ông Thiệu chỉ thực sự bàng hoàng khi thấy trong danh sách xuất hiện tên “Ông Giáo”, tức Vũ Ngọc Nhạ, bí danh Hai Long, một con chiên ngoan đạo là cánh tay mặt của Linh mục Hoàng Quỳnh chống cộng có tiếng, lại một thời làm Cố vấn ngầm cho Cố vấn Ngô Đình Nhu (?) và nay là Cố vấn cho T. T. Thiệu. Vụ này cho đến giữa năm 1969, Mỹ mới thực sự khui ra như là áp lực với cá nhân ông Thiệu và tập đoàn lãnh đạo chế độ VNCH phải biết điều hơn, để cùng với Mỹ làm cho tiến trình hoà đàm Paris đi đúng ý đồ của Mỹ, không bị bế tắc. Đây quả là đòn nặng đánh vào đầu não chế độ VNCH, làm choáng váng, mất niềm tin trong quân đội và nhân dân về sự yếu kém của hàng ngũ lãnh đạo chớp bu, đến nỗi để CS có thể gài được người vào đầu não. Ai nấy như bàng hoàng vì cùng lúc cả Phụ tá lẫn Cố vấn của Tổng thống đều bị bắt về tội làm gián điệp cho đối phương.

Để thấy rõ dư luận trái ngược về vụ này, chúng ta cùng xem lại phản ánh của giới báo chí lúc bấy giờ. Xã luận nhật báo Xây Dựng của LM Nguyễn Quang Lâm trong số ra ngày 31 -7 -69 viết: “*Có hai dư luận chính được đưa ra, một dư luận đã được Pháp Tấn Xã phổ biến thành tin tức nói rằng vụ Huỳnh Văn Trọng chỉ là một “Mission Impossible” (sứ mạng bất khả thi) theo kiểu đài truyền hình quân đội Mỹ; Nghĩa là một vụ T. T. Thiệu trao sứ mạng cho Phụ tá của ông liên lạc với giặc để “thăm dò hoà bình”, nay lại tự tay ông phá vỡ để cảnh cáo những kẻ muốn đi quá xa. . .*” Một dư luận khác thì chỉ nêu lên khía cạnh khó hiểu của vấn đề. *Thật là khó hiểu nếu nghĩ rằng việc bổ nhiệm người vào chức vụ quan trọng như chức vụ Phụ tá của Tổng thống*

(theo dư luận là đặc trách về chính trị, tình báo, ngoại giao) mà lại không có sự điều tra chu đáo? Chót hết, đây là sự khó hiểu nhất, Chính phủ vừa tuyên bố là kiểm soát được 90% dân số, vậy đây là vụ kiểm soát lớn nhất hay đây chỉ là điểm nhỏ bị bỏ sót?... Thành thử chưa thể nói chắc rằng dư luận nào đúng. Đây quả là chuyện dụng ý hay đây chỉ là một chuyện lỡ làng?..."

Như vậy là phát súng đầu tiên CIA bắn ra đã đạt được tất cả ba mục tiêu chiến thuật như đã nêu ra (rối loạn bộ não, gây bầu khí hoang mang, nghi ngờ trong nội bộ chính quyền và quân dân VNCH. . .) để đạt mục tiêu chiến lược của mình (gần là phá huỷ trụ cột chính trị, xa là triệt tiêu cả chế độ. . .). Sau vụ này, như một tín hiệu xa, chúng ta hãy điểm lại những tín hiệu gần hơn diễn ra vào những tháng cuối cùng trước khi sụp đổ của chế độ VNCH. Chúng ta hãy hồi tưởng lại bầu không khí chính trị vào những ngày tháng đầu năm 1975, một tình hình chính trị tranh tối tranh sáng. Dư luận thì hoang mang giao động, mất định hướng. Người ta nói nhiều đến một giải pháp chính trị hơn là quân sự cho vấn đề Việt Nam. Một Chính phủ Liên hiệp ba thành phần đã được nói đến nhiều. Rằng MNVN chắc chắn sẽ đi đến trung lập và Mỹ đang gia tăng áp lực buộc TT Thiệu từ chức, nếu cần có thể bằng một cuộc đảo chính quân sự. Rằng số phận của MN đã được định đoạt và Mỹ đã đến lúc không muốn vị Tổng thống có lập trường chống cộng cứng rắn "Bốn Không" cũng như bất cứ cá nhân hay lực lượng chống cộng nào tồn tại ở MNVN. . . Và do đó Mỹ đã bật đèn xanh và ngầm hỗ trợ khi cần cho các chiến dịch bôi đen, triệt phá uy tín những "lãnh tụ chống cộng" hay bất cứ cá nhân nào khả dĩ có hấp lực qui tụ được quần chúng tiếp

tục chống cộng.

Thực vậy, Mỹ đã bật đèn xanh cho các chiến dịch tố cáo nhằm hạ uy tín, bôi đen các “lãnh tụ chống cộng”, thúc đẩy cho các phe phái, các tổ chức đấu đá lẫn nhau, làm tan nát các lực lượng chống cộng. Được coi như là thực hiện theo ý đồ của Mỹ, phải kể trước hết là Phong trào Chống Tham nhũng của LM Trần Hữu Thanh, một linh mục Công giáo thuộc Dòng Chúa Cứu Thế VN, vốn có lập trường đối chọi với các linh mục cấp tiến cũng của Dòng này như LM Chân Tín, Nguyễn Ngọc Lan. . . Với lập trường chống cộng mà xuống đường chống tham nhũng thì ai dám bảo là phá thói chế độ, tiếp tay cho CS? Do đó, mặc dầu các cuộc biểu tình xuống đường này diễn ra vào lúc tình hình chiến sự đang ở vào giai đoạn quyết liệt có tính sống còn của cả chế độ, nó vẫn có hấp lực lôi kéo được nhiều người, nhiều giới chống Cộng tham dự tích cực. Phong Trào này đã kích động được người dân khi gài đúng chỗ ngứa của dư luận. Cáo Trạng số 1, số 2... tố cáo đích danh TT Thiệu và các tướng, tá, bộ trưởng . . là tập đoàn tham nhũng, làm giàu phi pháp trên xương máu chiến sĩ và đồng bào. Mặc dầu bao lâu nay TT Thiệu vẫn cố gắng tỏ ra thần phục và ưu đãi giới Công giáo, cố tạo cho mình một hình ảnh như “Ngô Tổng thống anh minh” ngày nào, để được sự hậu thuẫn của giới Công giáo chống cộng . . nhưng ông vẫn bị họ gào thét đòi ông phải từ chức (một sự ngẫu nhiên trùng hợp với yêu sách của CS?) Như cố gắng chứng tỏ mình vẫn còn được sự hậu thuẫn của giới Công giáo Bắc kỳ di cư mà lập trường chống cộng mạnh mẽ hơn nhiều so với giới Công giáo chống cộng miền Nam, ông Thiệu đã mời được hai vị linh mục có uy tín và lập trường chống cộng

nổi tiếng từ lâu, đó là LM Cao Văn Luận (gốc địa phận Vinh di cư) và LM Hoàng Quỳnh (gốc Bùi Chu, Phát Diệm di cư) làm Cố vấn tối cao cho chính phủ. Thế nhưng nỗ lực này của ông Thiệu đã hoá ra vô ích, khi mà tình thế đã đổi thay, MNVN lúc này đã khác với MNVN sau 1954 dưới thời họ Ngô. Tài liệu sau này cho biết, chính LM Hoàng Quỳnh, từng là Tổng Tư lệnh Lực lượng Tự trị Phát Diệm năm xưa, nay cũng đã có những hoạt động tiếp xúc bí mật với tên tình báo chiến lược Vũ Ngọc Nhạ ở căn cứ Hố Bò (Cù Chi) để nhận sự dẫn dắt của tên này đi theo chiều hướng “hoà giải và hoà hợp dân tộc”. Theo hồi ký của Vũ Ngọc Nhạ, thì Cha Hoàng Quỳnh đã ra căn cứ gặp ông ta vào mùng 9 tháng 11 năm 74 theo sự dẫn dắt của con gái ông ta là bé Liên. Thực ra lúc này LM Hoàng Quỳnh vẫn nghĩ rằng “Hai Long” bị oan, chứ một con chiên ngoan đạo như “Ông Giáo” chắc chắn không thể là CS. Do đó trong cuộc gặp gỡ này Cha Hoàng Quỳnh đã vô tình, ngây thơ một cách đáng thương khi trút hết bầu tâm sự với tên điệp báo này:

“... Ngày 23 -10, mình không ra được thật đáng tiếc! Theo ý thầy, mình tạm đi với Cha Thanh trong phong trào chống tham nhũng. Mình đã huy động lực lượng Công giáo di cư ở vùng Hố Nai Biên Hoà. Cha Thanh và phong trào lấy nhà thờ Tân Sa Châu làm điểm xuất phát cho các vụ xuống đường và truyền lệnh cho giáo dân, y như phong trào Phật Giáo năm 1963 lấy Chùa Ấn Quang và Viện Hoá Đạo làm trung tâm điểm. Kế hoạch định làm một đợt từ 30 đến 31 tháng 10 trùng với ngày đào chánh Diệm năm 63, chọn ngày 31 là cao điểm lật đổ Thiệu. Ngày 30-10 bắt đầu biểu tình, 31-10 người biểu tình nêu khẩu hiệu đòi Thiệu từ chức,

xô xát dữ dội giữa giáo dân với cảnh sát, hàng trăm người của cả đôi bên bị thương. Minh bàn với Cha Thanh phát động tuần lễ đấu tranh bất bạo động. Đồng thời bắt tay với Phật giáo, liên minh hành động với Thượng toạ Thích Giác Đức. Dương Văn Minh vẫn dựa vào Phát Diệm như hồi 63. Minh, Khiêm, Kỳ cho Phạm Quốc Thuần, Tư lệnh vùng III chiến thuật liên lạc với mình tính kế hoạch đảo chính Thiệu, nhưng mình chưa hiểu ý đồ nhóm này nên còn do dự. Thiệu được CIA báo tin, biết âm mưu, lập tức cách chức Thuần. Thuần tuy bị cách chức vẫn tiếp tục liên lạc với mình, 4 giờ chiều nay, mời mình gặp tại nhà riêng. Mình phải ráng gặp thầy trước khi gặp Thuần. . . Cha Thanh vừa rồi gặp mình, hỏi nên chọn ai thay Thiệu. Cha Thanh nói đã liên lạc với Nguyễn Văn Huyền, nhưng Huyền né tránh vì sợ Thiệu, hỏi Trần Minh Tiết, Tiết cũng chưa nhận lời. . . Một anh tướng Công giáo Mỹ, tên là Stennis khuyên mình đừng có đứng vào phe LM Thanh, cứ để Cha Thanh làm một mình, vào giai đoạn chót hầy tính. Sau vụ biểu tình ngày 1 tháng 11 Thiệu nói với mình sẽ ra đi trong danh dự, yêu cầu mình giúp và bảo đảm. Thiệu cũng nói như vậy với Cha Nhuận. Có lẽ Thiệu không muốn mất mạng vì lo bị Mỹ giết. . ." (8)

Vẫn trong cuộc gặp gỡ bí mật này, LM Hoàng Quỳnh, Cố vấn đương nhiệm của chính phủ Thiệu đã hỏi ý kiến Cựu cố vấn của TT Thiệu, để được cố vấn lại như sau:

- Nhưng theo ý thầy, trong tình hình này, Mỹ sẽ chọn ai thay Thiệu?
- Con gần đây không tiếp xúc với các cha Mỹ nên

không thật sát tình hình. . . Cha chỉ cần điều tra qua Cha Thanh là biết ý đồ của Mỹ. Cha Thanh kích động giáo dân chống Thiệu, lại gặp luật sư Huyền, luật sư Tiết thăm dò việc ra thay Thiệu, thì thấy rõ Cha gắn liền với Mỹ. Nhưng đó là chuyện của Mỹ! Còn ta phải tính chuyện của ta. Giáo hội VN phải luôn luôn theo Thánh ý Đức Giáo Hoàng, là thúc đẩy Mỹ loại trừ Thiệu càng sớm càng tốt, đòi Mỹ, Thiệu phải công nhận Lực lượng thứ ba theo tinh thần Hiệp định Paris. . . Phong trào chống Thiệu đang lên rất mạnh, lực lượng nhiều, nhưng có nhược điểm lớn là phân tán, rất cần một ngọn cờ tập hợp thì mới đủ sức mạnh lật Thiệu. Con muốn Cha Tổng sẽ là ngọn cờ. . .

- Mình nên đưa nhân vật Công giáo nào ra lập chính phủ, hoặc thay thế Thiệu, hoặc tham gia chính phủ cải tổ ?

- Cụ thể thì con xin nghiên cứu và trả lời Cha sau. Nhưng về nguyên tắc thì đã rõ, người thay thế Thiệu phải tán thành hoà bình, hoà giải và hoà hợp dân tộc, nên lựa chọn trong lực lượng thứ ba. Công giáo ta phải nắm lực lượng thứ ba và xây dựng thành lực lượng mạnh nhất trong chính phủ ba thành phần. Cha Tổng cần điều tra ý đồ của Mỹ trong cuộc gặp Tướng Thuần chiều nay. Tướng Dương Văn Minh đã được Vatican nhắc tới trên báo chí của Tòa Thánh, cũng là nhân vật có thể cộng tác trong chính phủ tương lai. Theo ý con muốn lật Thiệu thì cần phải loại bỏ ngay mấy mưu sĩ của Thiệu là Ngô Khắc Tĩnh, Đặng Văn Quang, nhất là Hoàng Đức Nhã, cháu của Thiệu. Nhã gần đây điên cuồng chống Hiệp định đến nỗi Mỹ cũng phải ghét..” (9)

Qua những lời đối thoại trên đây, thực hư đến mức

nào thì chỉ có những người trong cuộc mới kiểm chứng được. Nhưng người ngoại cuộc cũng có thể tin được phần lớn các sự kiện ấy là có thực, qua một số sự kiện bộc lộ ra ngoài, với các nhân chứng và tài liệu khác được đối chiếu. Căn cứ trên các sự kiện có thực này, để thấy được sự gặp nhau giữa ý đồ của Mỹ và ước muốn của CSBV, là cả hai đều nhằm phá nát chế độ VNCH càng sớm càng tốt. Ông Nguyễn Văn Thiệu giờ đây chắc cũng đã đủ thời gian để kiểm chứng lại những lời nói và hành động của hai vị cố vấn cho ông ở hai thái cực: Quốc gia và Cộng sản, nhưng cả hai đã hợp tác đâm sau lưng ông ở những giây phút cuối cùng của chế độ. Trước đó, trong nhiều năm, Vũ Ngọc Nhạ (tức Hai Long), tình báo chiến lược của CSBV đã gài được vào chức vụ Cố vấn cho Tổng thống chế độ VNCH ở miền Nam, sau khi bị phát hiện cầm tù, rồi trao trả cho phía bên kia, song Nhạ lại được các Cha Bắc kỳ di cư lánh nạn CS (Hoàng Quỳnh, Trần Ngọc Nhuận, Cha Lâm, Cha Thụy...) tìm mọi cách bao che khi hản trở lại Sài Gòn âm thầm hoạt động chống phá chế độ VNCH một cách nghệ thuật và có hiệu quả. Chúng ta hãy đọc những đoạn mô tả và đối thoại trích từ tài liệu của Trần Trung Quân, một tình báo chiến lược của VNCH cài vào phía CS.

"Hàng loạt cuộc xuống đường đòi lật ông Thiệu diễn ra liên tục ở Sài Gòn. Đường phố tắc nghẽn lưu thông, dân chạy loạn từ miền Trung về không có chỗ định cư.

Cha Hoàng Quỳnh đang có mặt ở phía nhà thờ Gò Vấp, nóng nảy đứng ngồi không yên. Cha vui mừng khi thấy hản bước vào sân nhà thờ:

- Cha lo cho con, cả đêm không chợp mắt, sợ có

chuyện chẳng lành. Con cứ về ở nhà thờ này có phải tiện hơn không.

- Con sợ liên lụy đến các Cha, CIA chưa quên con đâu. Con ở nhà một nhân vật thuộc Lực lượng thứ ba.

.....

- Cha Lâm nói: Ông Thiệu đã ký ân xá, xoá bản án và có gặp con tại Dinh Độc Lập ngày hôm qua?

- Dạ đúng vậy. Ông Thiệu cần con cố vấn việc ông đi lưu vong!

Cha Quỳnh có vẻ mất bình tĩnh:

- Sao quân ta không đánh mà cứ bỏ chạy hoài vậy?

- Tại Mỹ muốn vậy! Và tại ông Thiệu muốn làm nư Mỹ. Ông Thiệu nói với Đại sứ Martin rằng: Quý ông không viện trợ, tôi sẽ cho không Việt cộng toàn cõi miền Nam. . . (10)

Vẫn theo tài liệu trên, quả thật trước đó ông Thiệu đã ký lệnh ân xá và gặp lại Vũ Ngọc Nhạ. Việc “quân ta không đánh mà cứ bỏ chạy hoài” là vì ông Thiệu đã phần nào nghe lời “xúi dại” của tên cố vấn điệp báo CS này.

“... Pháp thua ở Điện Biên Phủ nhưng hồi đó không mất ngay đồng bằng Bắc bộ, vì Pháp biết bỏ một số thành phố giữ lấy quân. Khi tình hình cấp bách, thì phải cho cấp chỉ huy mặt trận tùy nghi di tản, sau đó sẽ tập hợp lại, người của ta không mất đi đâu. . .”

Thực ra, hấn ‘cố vấn’ ông Thiệu như vậy, cũng chỉ là làm nhiệm vụ tình báo chiến lược của mình. Vì . . . “Thuợng tuần tháng 4-1974, Trung ương Miền giao hấn nhiệm vụ thành lập một cụm tình báo chiến lược mới, hấn lãnh luôn chức vụ Cụm trưởng và Bí thư chi bộ. Trung ương Miền, lần này, đưa hấn trở lại hoạt động nổi, công khai và hợp pháp. Nhờ có ‘uy tín lớn’ với

Giáo hội Thiên Chúa, hấn chính thức đọc cương lĩnh, xây dựng lực lượng ba thành phần, 'nhét' người vào nội bộ chính phủ VNCH, điều động các thành phần đối lập, biến thành lực lượng của 'ta', rồi cùng nhau tạo thời thế, tạo ra biến cố, 'quậy' xã hội VNCH loạn lạc thêm. Sau cùng, chiếm chính quyền một cách hợp pháp. Để cho lực lượng thật mạnh, hấn chế ra hàng trăm chức tước, quyến rũ các chính trị gia Sài Gòn nhảy vô ăn có. Liên kết, liên hiệp, liên minh với bất luận đảng phái nào không ưa ông Thiệu. Xây dựng căn cứ 'nội thành' vững chắc, kiên cố. . . Dựng thêm các 'khu' tạm trú ở ngoại ô, có cán bộ đặc công bảo vệ. Rước cán bộ, sinh viên, học sinh, chính khách từ Sài Gòn ra đây huấn luyện, đào tạo họ trở thành Đồng lý, Chủ sự phòng, Tổng, Bộ trưởng trong chính phủ ba thành phần. Huấn luyện xong, đẩy họ trở lại Sài Gòn hoạt động theo lệnh Trung ương Miền. . ." (11)

Dẫu sao cũng nên tội nghiệp cho LM Hoàng Quỳnh, một nhà tu không biết làm chính trị nhưng đã dấn thân vì lòng yêu nước nên đã trở thành bung sung cho những tên hoạt đầu chánh trị ở cả hai phía lợi dụng theo mưu đồ riêng. Chính vì vậy mà Ngài đã dễ dàng bị Vũ Ngọc Nhạ cho vào xiềng, đứng sau lưng giật giây, quay qua ủng hộ phong trào chống tham nhũng của LM. Trần Hữu Thanh, thúc đẩy cho phong trào này phát triển mạnh hơn.

Trong lúc ấy, các cuộc đấu tranh của Phật Giáo cùng lúc nổ ra và như có sự hợp đồng đấu tranh chống chính quyền với giới Công Giáo, nhưng trọng tâm yêu sách khác nhau. Công Giáo chủ yếu chống tham nhũng, Phật Giáo chủ yếu đòi hòa bình, đòi dân sinh, dân chủ, và theo lý luận đấu tranh lúc bấy giờ, muốn đạt được các mục tiêu đấu tranh này

Thiệu phải từ chức. Áp lực nặng nề hơn cho ông Thiệu và chế độ của ông khi phong trào đấu tranh lan rộng, với những cuộc xuống đường của giới thanh niên, sinh viên, học sinh, đòi hoà bình, dân sinh, dân chủ, đòi lật đổ Thiệu. Cụ thể có Phong trào đòi quyền sống của Ni sư Huỳnh Liên, Phong trào đấu tranh đòi cải thiện chế độ lao tù của LM Chân Tín. Giới ký giả báo chí cũng nhảy vào vòng chiến, chống sắc luật 007, đòi tự do báo chí. Hai nhật báo của giới Công giáo là Hoà Bình và Xây Dựng tự đóng cửa để phản đối luật báo chí. Sáu tờ báo lớn ở Sài Gòn lúc đó tuyên bố sẽ đăng tải tài liệu tố cáo các vụ tham ô của chính quyền, cá nhân TT Thiệu, Thủ tướng Trần Thiện Khiêm. . . Lực lượng hoà giải và hoà hợp dân tộc của Giáo sư Vũ Văn Mẫu, Cứu nguy dân tộc của Tướng Trần Văn Đôn cũng biểu dương lực lượng. Ngay cả lực lượng thương phế binh, những người đã để lại phần cơ thể trong cuộc chiến chống Cộng cũng được các phe phái thúc đẩy xuống đường chống Thiệu. . . Như vậy là cá nhân ông Thiệu và chính quyền của ông đã ở trong tình trạng tứ bề thọ địch và đứng trước sự mất còn.

Thực ra các mục tiêu đấu tranh của các phong trào trong lúc này không mới mẻ gì. Tham nhũng và đòi dân chủ vốn là căn bệnh chung của các nước nghèo, nhất nữa nước nghèo ấy lại đang trong tình trạng chiến tranh như ở MNVN. Nếu như người Mỹ còn muốn chế độ VNCH tiếp tục tồn tại, thì vấn đề ưu tiên hàng đầu lúc này là dồn mọi nỗ lực vào công cuộc ngăn chặn cuộc xâm lăng của CSBV ở vào thời điểm đã lên đến đỉnh cao, một mất một còn. Vì còn chế độ ở MN (dù có là dân chủ hình thức, thì thực tế cũng dân chủ hơn nhiều so với chế độ độc tài đảng trị ở MBVN) thì mới có thể bảo vệ được những yêu sách

của các phong trào. Thế nhưng điều xem ra có vẻ nghịch lý này lại phù hợp với mục tiêu của “Bạn” (Hoa Kỳ) và ước muốn của “Thù” (CSBV): Triệt tiêu chế độ cực hữu VNCH bằng mọi giá, thông qua bất ổn, nội loạn, suy sụp đi đến sụp đổ.

Mặt khác, bên cạnh cuộc đấu tranh ồn ào của các lực lượng, phong trào, còn phải kể đến những cuộc vận động âm thầm cho chiều hướng hoà giải, hoà hợp, trung lập do một số tướng lãnh thân Pháp chủ động, như nỗ lực của Tướng Trần Văn Đôn đã giữ liên lạc với Toà Đại sứ Pháp ở Sài Gòn và chùa Ấn Quang cho đến phút chót. Sau này Tướng Đôn kể lại: “Vào những ngày cuối cùng, Đại sứ Pháp đã bảo tôi rằng nếu như muốn cứu Sài Gòn thoát khỏi pháo kích tàn phá, giữ cho MN trung lập, thì người duy nhất có thể thực hiện được là ông Minh Lớn.” (12) Sự việc này đã được Đại sứ Mỹ Martin xác nhận, vì dường như lúc ấy ông đã được Đại sứ Pháp cho biết như vậy. Nhưng giới tình báo Mỹ đã chê trách chủ trương này, rằng “Mục tiêu của họ là nhân đạo, song chú trọng việc kết thúc chiến tranh bằng thương lượng có nghĩa là họ làm lỡ kế hoạch di tản của chúng ta. . .” (13)

Như vậy rõ ràng là người Mỹ không muốn có sự thay đổi nào trong kế hoạch của họ. Và để bảo đảm kế hoạch không bị những hành động “phá vỡ” vào phút chót, CIA Mỹ đã theo dõi sát các nhân vật có khả năng đảo chánh lật Thiệu để tiếp tục con đường chống Cộng. Người được quan tâm đặc biệt là ông Nguyễn Cao Kỳ. Hành động mới đây là ông Kỳ đã xuất hiện trong các cuộc biểu tình của giới Công giáo chống Cộng, cụ thể là ở nhà thờ Tân Sa Châu, ông Kỳ đã hô hào lật đổ Thiệu để tiếp tục chống Cộng sản. Nếu như ý định này hiện thực, CIA lo ngại tiến

trình suy sụp của chế độ VNCH theo kế hoạch của họ sẽ kéo dài vô ích. Vì vậy đích thân ngài Đại sứ Martin đã phải chơi trò thâu cây để ru ngủ đánh lừa ông Kỳ và phe chống cộng đến cùng của ông. Một buổi sáng cuối tháng Ba 75, ông Kỳ đã được một người bạn Mỹ ở Toà Đại sứ Hoa Kỳ báo cho biết khoảng 3 giờ sẽ dẫn theo một nhân viên cao cấp của sứ quán. Nhân viên cao cấp đó là Martin. Đây là những câu đối thoại giữa ông Kỳ và Martin.

« - Thiếu tướng nghĩ gì về ông Thiệu trong cương vị hiện nay ?

- Ủy ban chúng tôi chỉ muốn một điều là Thiệu phải từ chức và được thay thế bằng chính phủ mạnh, có hiệu lực, để tổ chức chiến đấu chống cộng sản.

- Tôi xin hỏi ông một câu có tính giả thuyết, nếu như ông có thể lập chính phủ mới, ông sẽ đối xử với TT Thiệu như thế nào ?

- Tôi căm ghét ông ta, vì ông ta có ảnh hưởng xấu tới vận mạng đất nước tôi, nhưng tôi không có ý định trả thù, tôi sẽ để cho ông ta ra đi . .

- Thiếu tướng đã có suy nghĩ gì về việc thành lập một tân chính phủ chưa ?

- Tôi đã có dự trù nhân sự để có một chính phủ mạnh. Nếu có một chính phủ như tôi mong muốn, chỉ trong ít ngày tôi có thể tổ chức chiến đấu có hiệu quả. Tình thế không cho phép chúng tôi trì hoãn nữa. Mỗi ngày qua là thêm một ngày đến thảm bại . . » (14)

Như vậy là ông Kỳ đã giải bày hết tâm huyết với Martin, chứng tỏ cho đến lúc đó ông vẫn tin tưởng Mỹ vẫn là người bạn đồng minh trung thành của VNCH, và cá nhân ông có thể được tuyển chọn thay ông Thiệu lãnh

đạo chế độ VNCH tiếp tục chống Cộng. Do đó, ngay sau buổi gặp gỡ Martin, ông Kỳ đã triệu tập bộ tham mưu tuyên bố huỷ bỏ cuộc đảo chính dự liệu thực hiện bằng lực lượng Nhảy Dù và Lực lượng đặc biệt. Đồng thời ông Kỳ đã bỏ ngoài tai mọi khuyến cáo hữu lý, rằng không nên tin lời Martin, ông ta có thể chơi trò hai mặt để lừa gạt, ru ngủ chúng ta dừng hành động, yèn chỉ Đại sứ Mỹ đã đứng sau lưng, chẳng việc gì còn phải đảo chính... Chính vì vậy mà ông Kỳ đã thúc thủ, kiên nhẫn ngồi chờ sự sắp xếp của ngài Đại sứ, trong khi lãnh thổ miền Trung lần lượt rơi vào tay CS, Cộng quân đã có mặt ở sát ven đô! Hậu phương tiếp tục rối loạn, trong khi nguy cơ sụp đổ của toàn chế độ đang tới gần!

III. Ý Đồ Thực Sự Của Hoa Kỳ Là Gì ?

Đến đây thì ý đồ chiến lược của Mỹ đối với chế độ VNCH đã khá rõ rệt. “Việt Nam hoá chiến tranh” chẳng qua là khởi sự một quá trình dẫn đưa chế độ VNCH ở miền Nam đi dần đến sụp đổ. Vì Việt Nam hoá chiến tranh, Mỹ có điều kiện để rút chân ra khỏi cuộc chiến một cách danh dự, với lý do thật cao thượng “Để nhân dân MNVN thực hiện quyền dân tộc tự quyết, tự cường chiến đấu bảo vệ tự do...” Thế nhưng ai cũng hiểu rằng thực tế có khác, Mỹ đã đưa quân đội trực tiếp tham chiến, đã ngăn chặn CS không xong, thì làm sao một mình VNCH có thể tự bảo vệ được tự do. Thực tế là, sau khi quân Mỹ rút, tiềm năng chiến đấu của quân lực VNCH không tăng, vì những cam kết của Mỹ đã không được thực hiện. Thực tế này đã được chính ngài Đại sứ Martin mãi sau này mới thừa nhận: “. . . Khó khăn lớn nhất là trước khi rút lui, chúng ta đã không thiết lập hậu cần mà số lượng thì khổng lồ. Chẳng huấn luyện cho người Nam Việt

Nam về mặt kỹ thuật, từ máy bay ném bom loại mới đến các phụ tùng kiểm soát không lực mà họ đã nhận được quá muộn...” (15) Nghe những lời này của ông Martin, người ta có cảm tưởng như có sự hối tiếc, rằng nếu như những khó khăn ấy được khắc phục, thì chế độ VNCH đã không bị sụp đổ! Ông Martin đã thành thật hay làm bộ thành thật khi nói ra điều ấy? Chẳng lẽ cương vị Đại sứ Hoa Kỳ ở Sài Gòn lại không được biết ý muốn thực sự của chính quyền Mỹ ở Washington, hơn CIA ở Sài Gòn, về số phận chế độ VNCH, một công cụ chiến lược của họ? Có thể là không phải như vậy vì rằng trước đó, ông Martin đã có lúc tâm sự, rằng ông “. . . cảm thấy mình sẽ là tiếng nói cuối cùng của người Mỹ, là hy vọng cuối cùng, là biện pháp cuối cùng của ý chí Mỹ đối với một dân tộc đã có thời là quan trọng với thế giới tự do, song số phận đã bị người chủ sửa đổi lại thành diễn viên phụ trong một màn phụ. . .” (16)

Rất có thể là ông Đại sứ Martin đã không được biết nhiều và biết rõ số phận chế độ VNCH như là ông Henry Kissinger, là Ngoại trưởng Hoa Kỳ lúc ấy, cũng là người đã đạo diễn ra tấn thảm kịch Việt Nam và Đông Dương. Nhớ lại người ta thấy lúc đó, ông Kissinger đã phải làm cùng lúc hai nhiệm vụ đập tắt chiến tranh Trung Đông và chiến tranh Đông Dương bằng mọi giá theo yêu cầu của một chiến lược mới của Hoa Kỳ, phù hợp với chiều hướng của một thế chiến lược quốc tế mới. Sau này chính Kissinger đã nhớ lại là vào năm 1973, rõ ràng là “.. Washington đã quan tâm đến những vấn đề khác. . .” Phải chăng vì có quan tâm khác nên Mỹ cần đập tắt chiến tranh cùng lúc với sự kéo sụp chế độ VNCH càng sớm càng tốt, để dọn đường cho việc thiết lập một nền trật tự

quốc tế mới trong vùng? Chính vì mối quan tâm này mà Kissinger đã sử dụng mọi biện pháp cần thiết nhằm thúc ép VNCH phải ký Hiệp định Paris về chấm dứt chiến tranh lập lại hoà bình cho Việt Nam ngày 27-1-1973. Cũng vì quá nóng lòng thực hiện nhiệm vụ mà cung cách của ngài Ngoại trưởng Hoa Kỳ đã có lúc hành xử như cung cách của một vị Bộ trưởng thuộc địa thời Pháp thuộc, cái thời chế độ thực dân cũ còn cực thịnh.

Thực tế diễn tiến dường như khá trung thực với các ý đồ và thực hiện thật sát với kế hoạch dự trù của Mỹ. Cộng sản Hà Nội dường như cũng nắm bắt được phần nào ý định của Hoa Kỳ muốn xoá bàn cờ cũ chơi bàn cờ mới, mà họ tố cáo là “chiến lược toàn cầu phản cách mạng mới của đế quốc Mỹ”. Nhưng có điều CSBV đã không nắm được ý đồ này của Mỹ: Có tình để cho công cụ cực tả VNDCCH được bắn phát súng ân huệ cuối cùng vào đầu chế độ công cụ cực hữu VNCH, ôm tạm MNVN, chứ không muốn chế độ công cụ của mình ở miền Nam tồn tại dưới bất kỳ hình thức nào. Mặc dầu bề ngoài những cuộc vận động ngoại giao của Kissinger với Mạc Tư Khoa, với Bắc Kinh và nhiều nơi khác, đều nêu cao một giải pháp chính trị cho vấn đề Việt Nam. Theo đó VNCH sẽ tồn tại như một thành viên trong một chính quyền liên hiệp, với chế độ trung lập. Và mặc dầu điều này cũng được minh thị trong văn bản Hiệp định Paris về Việt Nam... nhưng tất cả chỉ là hoà mù của Mỹ để đánh lạc hướng cả “Bạn” (VNCH) lẫn “Thù” (CSBV). Trên thực tế, chính CSBV đã mắc mưu đưa đến sự bất đồng trong hàng ngũ lãnh đạo chớp bu ở Hà Nội, khi đánh giá ý đồ thực sự của Mỹ. Nhưng cuối cùng phe Điều hầu chủ trương “giải phóng hoàn toàn miền Nam, tiến tới thống

nhất đất nước” đã thắng thế. Thế là Mỹ có cơ phũ tay trách nhiệm đóng góp hậu chiến mà theo Hiệp định Paris lên đến hàng tỉ Mỹ kim. Vì CSBV đã vi phạm Hiệp định khi thôn tính VNCH, nên không những không nhận được xu nào, mà còn bị bao vây kinh tế bằng chính sách cấm vận trước đó đối với miền Bắc, nay được tiếp tục trên phạm vi cả nước. Như vậy là Mỹ đã đạt được các mục tiêu : Dứt bỏ được công cụ VNCH đã lỗi thời, đưa công cụ CSBV vào thế sa lầy không lối thoát, khởi sự cho quá trình triệt tiêu công cụ này trong tương lai như kế hoạch dự trù (Bước thứ hai).

Ấy vậy mà CSVN sau này vẫn tố cáo Trung Cộng tiếp tay Mỹ, khi đã khuyên họ ngừng tiến công giải phóng miền Nam vào lúc mà bộ đội của họ đang ở thế “tiến công như chẻ tre”! Trong khi đó, một viên chức tình báo Mỹ từng công tác ở Sài Gòn trước đây, nay lại nhận định sự sụp đổ của VNCH như là ngoài ý muốn của Mỹ, chẳng qua chỉ vì Kissinger đã bị Mạc Tư Khoa lừa dối (!) Rằng “Họ đã đánh lừa Kissinger” khi nói “. . . Hãy còn một cơ hội cho một khoảng thời gian vừa phải” để có thể có “một cuộc dàn xếp bằng thương lượng vào phút chót.” Và quả thật vào phút chót, ông Dương Văn Minh, ông Trần Văn Đôn, ông Vũ Văn Mẫu vẫn chờ cái “Chính phủ hoà giải và hoà hợp” của họ, giải pháp mà ngoại bang đã hứa hẹn, chờ cho đến khi phải nhận sự đầu hàng vô điều kiện. Như vậy là cả hai công cụ của hai thế lực đối đầu đều đánh gĩa sai ý đồ thực sự của Mỹ. Vì đánh giá không đúng, nên công cụ cực hữu thì bị triệt tiêu, công cụ cực tả thì ngã “sập mặt” vào một vũng lầy tiền định, trong ảo tưởng là kẻ chiến thắng.

Tuy nhiên có một điều cần được nói cho công bằng, là quả thực Hoa Kỳ chẳng muốn chế độ VNCH sụp đổ như thế đâu. Chẳng qua Mỹ phải chọn giải pháp chẳng đáng dừng này là vì thực trạng chế độ VNCH lúc đó quá suy đồi, một phần trách nhiệm do việc thực hiện sai lầm đường lối chỉ đạo chiến tranh của Mỹ, phần khác là Mỹ đã không chọn được một ê-kíp lãnh đạo chế độ VNCH có năng lực thực hiện hiệu quả cuộc chiến tranh bảo vệ, khả dĩ ngăn chặn được cuộc xâm lăng của CSBV, như Nam Hàn trước đó đã làm được đối với cuộc xâm lăng của Bắc Hàn. Và do đó, thực lòng Hoa Kỳ quả là không muốn cưỡng từ chế độ VNCH, mà rất muốn có được một giải pháp như Đại Hàn (duy trì tình trạng qua phân, chờ thống nhất một cách hoà bình), nếu như sau khi Việt Nam hoá chiến tranh (1968), Mỹ đánh giá được chế độ VNCH đủ mạnh có khả năng chặn đứng xâm lăng để tồn tại. Tiếc rằng thực tế chế độ công cụ VNCH đã tỏ ra quá yếu kém, không còn cách nào vực lên được, buộc Mỹ phải chọn giải pháp dứt điểm chế độ này để đi vào thế chiến lược quốc tế mới. Cũng vì yêu cầu của thế chiến lược quốc tế mới, vì quyền lợi thiết thực của mình, Hoa Kỳ đành phải bỏ rơi VNCH bằng mọi giá, kể cả cái giá đã bỏ ra bạc tỉ Mỹ kim tiêu phí cho cuộc chiến tranh và cái giá máu của trên 56.000 quân nhân Hoa Kỳ đã hy sinh trong cuộc chiến này. Chính vì không nắm được chiều hướng của thế chiến lược mới mà các nhà lãnh đạo của cả hai chế độ công cụ, miền Bắc cũng như miền Nam, đã đánh giá sai ý đồ thực sự của Mỹ.

IV. Quá Trình Triệt Tiêu Chế Độ Cục Hữu VNCH Đã Kết Thúc Như Thế Nào ?

Thực vậy, vì không nắm được ý đồ chiến lược của Mỹ, CS Hà Nội đã hăm hờ nhào vào giai đoạn cuối cùng của cuộc chiến. Trong giai đoạn này, nếu chỉ nhìn qua hiện tượng, người ta thấy như có sự ăn ý giữa Mỹ và CSBV, kẻ tung, người hứng để cùng cường tử chế độ VNCH một cách ngoạn mục.

1) KHỜI ĐI TỪ SỰ KIỆN PHƯỚC LONG.

Ngày 7-1-1975, bộ đội CSBV đã mở cuộc tiến công và đã chiếm đóng được tỉnh lỵ Phước Long như một thử nghiệm đầu tiên ý chí của Hoa Kỳ, thăm dò xem phản ứng sẽ đến mức độ nào. Hoa Kỳ đã lập tức lên tiếng tố cáo mạnh mẽ hành động vi phạm trắng trợn Hiệp định Paris của CSBV, kèm theo lời đe dọa sẽ trừng phạt nghiêm khắc nếu CS không ngưng ngay những hành động xâm lấn tương tự. Sau sự lên án tố cáo có tính chiêu lệ với kẻ thù, Mỹ đã không có hành động nào khác hơn thể hiện ý chí và quyết tâm giúp ‘bạn’ bảo vệ chế độ VNCH. Không những thế, dường như ai đó đã vô tình hay cố ý thực hiện đúng ý định của Hoa Kỳ, khi khuyên TT Thiệu không nên đánh chiếm lại Phước Long làm gì cho hao binh tổn tướng, mà hãy dùng sự kiện Phước Long như là bằng chứng tố cáo trước công luận thế giới về hành động phá hoại Hiệp định Paris của CS Hà Nội. Bởi vì giải pháp cho Việt Nam bây giờ là giải pháp chính trị chứ không phải quân sự. Có lẽ vì nghe theo lời “cố vấn” này, nên TT Thiệu đã không tìm cách lấy lại Phước Long, mà chỉ ra lệnh đẩy mạnh tuyên truyền, tố cáo CSBV vi phạm Hiệp định, đẩy mạnh chiến dịch vẽ cờ, lán đất dành dân, chuẩn bị chiếm ưu thế về lãnh thổ trong một giải pháp chính trị tương lai? Mặc dầu “đầu tháng Giêng 1975, TT Thiệu đã ra lệnh tập trung lực lượng Không quân gồm 116 oanh tạc cơ, 160 phi cơ

trục thẳng, dội bom và đánh phá trọn một tuần lễ xuống Phước Long, nhưng vẫn không đẩy lùi nổi 3 sư đoàn chính quy Bắc Việt đang chiếm lấy thị trấn này..." (17)

Trong khi đó, từ sự kiện Phước Long, dư luận lúc đó ở Sài Gòn lan truyền khắp miền Nam, nói nhiều đến một chính phủ liên hiệp ba thành phần, nói nhiều đến giải pháp trung lập. Đường như trong tâm lý quần chúng cũng như quân đội VNCH lúc ấy đều bị hoang mang giao động, tinh thần chủ hoà đang có chiều hướng lấn ép chủ chiến. Tình cảnh này đã có ảnh hưởng rất lớn vào tinh thần chiến đấu của binh sĩ quân lực VNCH. Quân dân miền Nam đều như cùng hướng lòng về một giải pháp chính trị, với tâm trạng chờ đợi, mất cảnh giác chiến đấu và suy giảm nghiêm trọng ý chí chống Cộng.

Trong khi đó, Mỹ đã không có hành động trừng phạt cương quyết nào với đối phương, mà lại gia tăng áp lực đối với chế độ VNCH, thúc đẩy và nuôi dưỡng tình hình bất ổn, xáo trộn nội bộ, đẩy chế độ vào thế tam, tứ đầu thọ địch. Áp lực mạnh nhất đánh vào căn nã quân đội và nhân dân VNCH là quyết định cắt giảm quan trọng viện trợ kinh tế, quân sự cho VNCH giữa lúc chế độ đang trong điều kiện thử thách sống còn. Như vậy là Mỹ đã không giữ lời cam kết khi "Việt Nam hoá chiến tranh" (Tăng cường viện trợ quân sự để trang bị đầy đủ cho QLVNCH đủ sức làm công việc tự bảo vệ...), không giữ những lời hứa công khai cũng như riêng tư của TT Hoa Kỳ Nixon (viện trợ kinh tế, quân sự dồi dào cho VNCH để thành tựu Hiệp định Paris theo ý muốn của Mỹ...). Hậu quả tất nhiên của đòn căn nã này là tinh thần chiến đấu của tướng sĩ QLVNCH và tiềm năng chống Cộng của cả chế độ VNCH phải sút giảm nghiêm trọng. Chúng

ta hãy nghe sau này ông Thiệu kể lại... “ Vào năm 1975, tiềm lực chiến đấu của chúng tôi giảm 60%, trong khi đó tiềm lực chiến tranh của Hà Nội gia tăng ghê gớm. Tôi có thể nói trong hai năm sau khi ký Hiệp định Paris, chiến tranh đã dữ dội hơn trước. Tuần nào tôi cũng cử phái viên tới Washington để giải thích. Tôi đã gửi thư cho Tổng thống Mỹ, tôi phân bày nỗi nguy hiểm với Đại sứ Mỹ ở Sài Gòn, song không có chuyển biến gì cả...” (18)

Chuyển biến gì được nữa, khi ý định của Mỹ lúc này là đang muốn trói chặt VNCH về chính trị, kinh tế, quân sự, để chờ cho CSBV đến ban cho một phát súng ân huệ. Mỹ đã trói chặt VNCH về chính trị trong một giải pháp liên hiệp với CS, với chiêu bài hoà giải, hoà hợp dân tộc để ru ngủ và làm tê liệt ý chí chống Cộng của quân dân MNVN. Mỹ đã trói chặt về kinh tế khi cắt giảm viện trợ tới đa về mọi mặt, là cắt nguồn máu nuôi sống chế độ. Mỹ đã chặt tay chặt chân về quân sự, khi không thực hiện trang bị, cung cấp vũ khí đạn dược đủ để cho trụ cột chủ yếu chống Cộng đủ sức làm công việc tự bảo vệ. Việc Quốc hội Hoa Kỳ chỉ thông qua một ngân sách viện trợ hàng trăm triệu (700 triệu) so với nhu cầu thực tế hàng tỉ, trong lúc tình hình chiến sự nguy ngập, thù hằn QLVNCH còn đâu tinh thần chiến đấu để mà làm công việc tự bảo vệ. Mặt khác, đúng lúc này, không biết ai xui ai khiến cho TT Thiệu ra lệnh giải giới các lực lượng bán quân sự như Nhân Dân Tự Vệ và các giáo phái có trang bị vũ khí, gọi là để tập trung lực lượng và sức mạnh chiến đấu của QLVNCH. Điển hình là vụ giải giới lực lượng bán quân sự của Phật Giáo Hoà Hào khoảng 100.000 người, bắt giam ông Hai Tập, Tổng chỉ huy Lực lượng bảo an Hoà Hào. “... Cuối tháng Giêng 1975, ông Hai Tập, ông

Luong Trọng Tường thành lập một sư đoàn Bảo an Hoà Hào với mục đích tiếp tục chiến đấu kháng Cộng, nếu VNCH sụp đổ. Ông Thiệu lập tức giải tán và bắt giam ông Hai Tập vì sợ lực lượng Hoà Hào lật đổ ông..." (19) Việc làm này của ông Thiệu như đã hành động tự chặt tay mình về mặt quân sự. Ai đã cố vấn cho ông Thiệu làm việc này, hay do sáng kiến cá nhân, điều này chỉ có ông biết. Người bàng quan chỉ có thể suy đoán, có thể là sáng kiến cá nhân vì mối lo sợ riêng, song cũng có thể là sự gợi ý của các 'cố vấn' là người của Mỹ, hoặc là người của Việt Cộng. Vì rằng vào thời điểm này, tuy khác ý đồ, nhưng Mỹ và Việt Cộng đã gặp nhau ở mục tiêu chung : Triệt tiêu chế độ VNCH.

Thế nhưng cho đến lúc này dường như người lãnh đạo cao nhất của chế độ VNCH vẫn chưa nắm bắt được ý định thực sự của "người bạn đồng minh Hoa Kỳ", vẫn như còn có tin vào những lời cam kết, hứa hẹn bí mật hay công khai trên giấy trắng mực đen của chính phủ cũng như cá nhân Tổng thống Hoa Kỳ R. Nixon. Như vậy là quả thực tập đoàn lãnh đạo chế độ công cụ ngoại bang ở Hà Nội đã tài giỏi hơn nhiều so với chế độ ở Sài Gòn. TT Thiệu vẫn ngây thơ tin rằng những hành động đích thân của ngài Đại sứ Martin bay từ Sài Gòn về Washington, như là để bệnh vực cho lập trường của mình. Sau khi Cộng quân lần chiếm Phước Long, ông Thiệu vẫn tin tưởng và chờ đợi Hoa Kỳ thực hiện những lời hứa và cam kết trong những bức thư trao đổi riêng với TT Nixon. Trong khi đó, các lãnh tụ cáo già CSBV thì tỏ ra hết sức chú tâm và nương theo ý đồ của Mỹ để đạt ý đồ của mình. Sau khi đánh chiếm được Phước Long, Cộng quân như tạm ngưng các cuộc tiến công lớn để thăm dò phản ứng

của Mỹ. Nhớ lại phản ứng của Mỹ lúc ấy là ngoài những lời lên án, tố cáo, đe dọa “Sẽ trả đũa”, Mỹ đã chỉ tăng cường các chuyến bay do thám, mà theo nhận xét của ông Thiệu, “Việc ấy chẳng khác gì dùng bò cày thay thế cho B-52.” Đồng thời, TT Gerald Ford, người kế vị TT Nixon bị mất chức giữa nhiệm kỳ vì vụ Watergate cũng có làm ra vẻ hết lòng xin Quốc hội Mỹ viện trợ bổ sung 300 triệu Mỹ kim cho VNCH. Thế nhưng theo lời Đại sứ Martin “... Nam Việt Nam không nhận được viện trợ bổ sung mà còn không nhận được chút viện trợ nào trong năm tài chính sắp tới, bắt đầu từ tháng 6-75. Nói khác đi, nội trong ba tháng nữa ông Thiệu sẽ đứng trước sự kiện bị cúp viện trợ...” (20) Ông Martin kết luận: “Cố gắng bơm thêm sức mạnh cho ai đó bằng những bảo đảm mà chính mình không tin thì sẽ chẳng đi đến đâu hết.” (21)

Đến đây, trước phản ứng yếu ớt của Mỹ với thù (CSBV), sự gia tăng áp lực chính trị, kinh tế của Mỹ đối với bạn (VNCH), các lãnh tụ CS ở Hà Nội càng tin tưởng chắc chắn Mỹ sẽ không can thiệp trực tiếp trở lại, dù họ có gia tăng áp lực quân sự đến đâu. Họ bắt đầu lên kế hoạch thôn tính MNVN với dự liệu ít nhất hai năm nữa mới “giải phóng” được MN. Hà Nội thực sự vẫn chưa biết ý đồ này của Mỹ : Không phải chỉ không can thiệp trở lại mà còn muốn khai tử chế độ VNCH càng sớm càng tốt. Nghĩa là Mỹ đã có ý định xoá bàn cờ cũ chơi bàn cờ mới. Trong khi đó ông Thiệu và tập đoàn lãnh đạo VNCH thì vẫn nghĩ Mỹ sẽ không bao giờ “dám” bỏ rơi MN, mọi áp lực chẳng qua chỉ là để buộc cá nhân ông Thiệu và phe cánh của ông phải từ bỏ quyền hành, trao lại cho ê-kíp khác, nên nội bộ rơi vào sự xâu xé tranh giành quyền lợi cá nhân, phe đảng quên cả mục

tiêu sống còn là ngăn chặn CSBV xâm lăng. Một cách vô tình “phe quốc gia” đã như tự đào hố chôn mình. Mặc dầu ai cũng đồng ý với nhận định của ông Thiệu lúc ấy : “Chế độ VNCH còn là còn tất cả, nếu mất vào tay CS là mất cả” Nhưng tất cả trên thực tế đã có những hành động góp phần làm tiêu vong chế độ. Sau này ông Thiệu kể : “... Mỹ để lại 300,000 quân tại Châu Âu sau khi Thế chiến đã chấm dứt 30 năm; để lại 50,000 quân ở Nam Hàn sau khi chấm dứt 20 năm. Lúc chúng tôi để Mỹ rút quân, chúng tôi chỉ yêu cầu được giúp đỡ để tiếp tục chiến đấu, không còn phải duy trì nửa triệu quân ở VN, Mỹ chỉ phải chi tiêu 1/20 so với trước kia. Vậy họ còn đòi hỏi gì hơn ở chúng tôi?...” (22) Nhận định này của ông Thiệu chứng tỏ quan điểm lãnh đạo lỗi thời do không nhìn thấy đã có sự đổi thay chiến lược của Mỹ. Theo đó, Mỹ không phải chỉ muốn cá nhân ông Thiệu mà muốn cả cái chế độ mà ông cầm đầu bấy lâu nay phải biến đi càng nhanh càng tốt. Bởi vì đã qua rồi những cơ hội tốt để tồn tại vững vàng như Nam Hàn, để không bị huỷ diệt vào những lúc có nhu cầu phải thay đổi chiến lược như thế này.

2) ĐẾN SỰ KIỆN BAN MÊ THUẬT THẤT THỦ - THỦ THÁCH CUỐI CÙNG CHO TRỤ CỘT CUỐI CÙNG CỦA CHẾ ĐỘ.

Đến đây các bước người ta chuẩn bị cho một chế độ sụp đổ như đã hoàn bị. Tình hình nội bộ chế độ VNCH hoàn toàn rối ren, tê liệt. Quân lực VNCH, cây trụ cột cuối cùng chống đỡ cho sự tồn tại thêm thời gian của chế độ thì sao ?

Theo tài liệu đọc được thì sau Hiệp định Paris năm 1973 về VN, Quân lực VNCH thực sự chỉ còn sáu đến bảy trăm ngàn quân chiến đấu. Về trang bị đạn dược và

các phương tiện chiến tranh hiện còn có thể giúp cho QLVNCH tiếp tục chiến đấu ít nhất hai năm. Tương quan lực lượng giữa quân lực VNCH và bộ đội CSBV theo tỉ lệ 4-1. Đến tháng 1-1975 tỉ lệ này chỉ còn 2-1. Bởi vì sau hai năm ngừng ném bom, một phần đường mòn HCM đã được CSBV sửa chữa và đặt ống dầu dọc theo đường mòn này. Trong một thời gian ngắn, 150,000 quân CSBV đã xâm nhập thêm vào chiến trường MNVN. Sau khi chiếm được Phước Long, Hà Nội đã có thể chuẩn bị cho một lực lượng 300,000 quân bám sát đường mòn HCM tiến vào MN. Tất cả những hoạt động này, người Mỹ biết rất rõ, song đã không có hành động gì, vì sao ?

Chúng ta hãy nghe một chuyên viên phân tích tình báo Mỹ kể lại : *“Khởi đầu cuộc tấn công cuối cùng của CS . . lúc đó chúng tôi đã biết rằng CSBV đưa vào MNVN một lực lượng to lớn hơn nhiều so với lực lượng chúng tôi biết đang có ở đây. Họ đã tập trung số quân này lại phía Tây Cao nguyên. Bấy giờ Ban Mê Thuột xét về mặt lịch sử, luôn luôn là điểm tựa phòng thủ của chính quyền trên Cao nguyên. Ban Mê Thuột mất thì sự phòng thủ có thể bị đánh ngang sườn. CSBV rất khôn ngoan, họ chuyển quân mà không sử dụng liên lạc vô tuyến điện. Họ đưa vào vùng Ban Mê Thuột ba sư đoàn mà chúng tôi không hề hay biết . .”* (23).

Có thực là người Mỹ không hay biết hay là họ biết mà đã cố tình không cho chính quyền VNCH biết, lại còn tìm cách đánh lạc hướng giùm cho đối phương ? Vì chẳng lẽ tình báo Hoa Kỳ chỉ dựa trên sự theo dõi liên lạc vô tuyến của VC để nắm bắt tình hình ? Vậy thì chỉ có thể do bị che mắt của “Bạn” và thế nghi binh, hoà mù của “Thù”, mà

các nhà quân sự VNCH đã đoán sai ý đồ của VC. Đoán sai nên đã cho rằng Cộng quân có thể lập lại cuộc tấn công Mùa Hè Đỏ Lửa năm 1972, vượt qua khu phi quân sự. Vì vậy họ đã tập trung quân ở phía Bắc Đà Nẵng để đối phó? Trong khi đó, Ban Mê Thuột vốn là một vị trí chiến lược trọng yếu thì quân đội Sài Gòn đã không chuẩn bị phòng thủ tương xứng, chỉ triển khai 400,000 quân ở đó. Họ đâu ngờ rằng lúc ấy, 300,000 quân CSBV đã ẩn nấp bao vây, chờ giờ hành động. Để đánh lạc hướng, bộ đội CSBV đã cho truyền đi các bức điện giả làm như mục tiêu tấn công của họ là Pleiku, nơi đặt bàn doanh của Quân đoàn II quân lực VNCH. Quân CSBV đã thành công trong ý đồ này, vì các nhà quân sự VNCH bao lâu nay quen dựa vào chiến lược, chiến thuật đánh CS do người Mỹ hoạch định sẵn, nên đã có thói quen ý lại, lười “động não” để sáng tạo, nên đã dễ dàng bị đánh lừa của cả bầy lẫn thú.

Sự thể là đúng 2 giờ sáng ngày 10-3-1975, bộ đội CSBV đã mở cuộc tấn công Ban Mê Thuột. Vì quá bất ngờ, không kịp tăng viện và không có quân yểm trợ nên sau 30 giờ bị vây hãm, phản công yếu ớt, Ban Mê Thuột đã thất thủ. Rồi cũng như Phước Long, Ban Mê Thuột thất thủ, Mỹ vẫn không có hành động gì để trừng phạt, ngăn chặn bước xâm lăng của CSBV. Dư luận thắc mắc, phải chăng ai đó lại “có vấn” cho TT Thiệu với cùng luận điệu rằng không nên đánh chiếm lại BMT làm gì cho hao binh tổn tướng, lại vẫn nên dùng sự kiện BMT để đẩy mạnh tuyên truyền tố cáo CSBV trắng trợn vi phạm Hiệp định Paris trước thế giới. Rằng lý do không cần đánh chiếm lại đất đai còn là vì giải pháp cho vấn đề Việt Nam bây giờ là giải pháp chính trị chứ không phải quân sự.

Vậy thì chỉ nên “Co cụm lại” để tập trung lực lượng bảo vệ các thành phố chiến lược quan trọng, để chờ giải pháp chính trị. . . Sau này tài liệu cho biết, một trong những ‘cố vấn’ đã ảnh hưởng đến quyết định “rút lui chiến thuật” của TT Thiệu lại là Vũ Ngọc Nhạ, Tình báo chiến lược CSBV, như đã trích dẫn ở phần trên. Nhưng tựu chung, có lẽ vì nghe theo mọi lời khuyên xem ra có vẻ hợp lý, mà ngày 15-3-75, tức bốn ngày sau BMT thất thủ, TT Thiệu đã vội triệu tập các tướng lãnh cao cấp trong một phiên họp ở căn cứ Cam Ranh, để đi đến quyết định vô tiền khoáng hậu trong quân sử QLVNCH cũng như quân sử thế giới : Rằng Cao nguyên và miền Trung phải bị bỏ rơi! Nghĩa là ông Thiệu đã quyết định bỏ luôn Quân Khu I và Quân Khu II. Quyết định này đã gây bàng hoàng, choáng váng cho nhiều người, vì như thế là chỉ qua một đêm, ông Thiệu đã nhượng cho đối phương một nửa lãnh thổ VNCH! “Ông Thiệu bay ra Cam Ranh họp các tướng tư lệnh chiến trường. Không cần kế hoạch, không cần chiến thuật đối phó với tình thế, với tư cách Tư lệnh tối cao Quân lực VNCH, ông Thiệu nói: Tôi ra lệnh Tướng Phú di tản, bỏ Quân đoàn 2. Ông xoay qua hỏi ý ông Khiêm, ông Viên. Hai ông này là những vị chỉ huy lên tướng nhờ ‘gật đầu’ trả lời: Tổng thống giải quyết như vậy thật phù hợp với tình hình, chúng tôi tán thành ý kiến và thi hành lệnh Tổng thống. Tướng Phú giao Chuẩn tướng Nguyễn Duy Tất (mới vừa được vinh thăng Chuẩn tướng) lãnh nhiệm vụ điều khiển cuộc di tản, mệnh tướng tướng chạy, mệnh quân quân ngã gục trên đường tháo lui, mệnh dân dân kinh hoàng nằm chết dưới làn mưa pháo chận đường của CS. Pleiku bỏ, Kontum bỏ. Binh đoàn hỗn quân, hỗn quan, rối loạn trật tự. Bộ đội CS cắt đoàn quân di tản ra làm ba mảnh, quan quân bỏ chạy tán loạn và sau cùng là

tan hàng rã ngũ!...” (24)

Sau này, ông Thiệu đã biện minh rằng “Chúng tôi phải rút quân về bảo vệ các vùng quan trọng, vì chúng tôi đánh giá là Mỹ sẽ không giúp nữa. Nếu họ giúp thì đã giúp rồi. Chúng tôi không thể chờ đợi đến khi quá chậm. Phải chấp nhận nỗi hiểm nghèo có tính toán. Biết rằng rút lui mà không có khả năng cơ động và hoà lực mạnh thì sẽ nguy hiểm. Nhưng chúng tôi vẫn phải làm.” (25)

Tại sao ông Thiệu đã dám chọn giải pháp này dù biết rằng nguy hiểm như vậy? Vì ông ta muốn tạo áp lực để phút chót thấy tình hình nguy ngập Mỹ có thể can thiệp? Vì một lời khuyên trực tiếp hay chỉ là sự gợi ý gián tiếp song có hiệu quả của Mỹ? Có thể cả hai. Vì ngài Đại sứ Martin đã có sự gợi ý này “Chỉ còn một con đường khôn ngoan duy nhất là cắt bớt các tuyến quân sự và chỉ giữ lại một phần đất mạnh về kinh tế là vùng châu thổ phía Nam.” (26) Như vậy là sự gợi ý của ngài Đại sứ Mỹ cuối cùng ở Sài Gòn cộng với lời khuyên của các ‘cố vấn’ đã được ông Thiệu cảm nhận và thực hiện như một sáng kiến táo bạo. Có điều kết quả thu lượm được thuộc về phía Hoa Kỳ và Việt cộng, còn hậu quả được dành cho nhân dân miền Nam yêu chuộng tự do, những người đã nằm xuống và những kẻ sống sót sau cuộc chiến!

Thực vậy, giải pháp trên đã được thực hiện bằng một cuộc “di tản chiến thuật” mà thực tế đã biến thành một cuộc “tháo chạy tán loạn” vô tiền khoáng hậu trong lịch sử các cuộc chiến tranh cục bộ. Các chiến lược gia đã phải gọi đó là “một cuộc rút lui được vạch ra tồi nhất và thi hành tệ hại nhất trong lịch sử quân sự.” Một cuộc di tản chiến thuật gọi là co cụm lại để bảo toàn lực lượng và

để đủ sức bảo vệ các vùng chiến thuật trọng yếu, rút cuộc đã chẳng bảo vệ được gì khác hơn là góp phần làm cho quá trình sụp đổ của một chế độ nhanh chóng hơn. . . Vì cuộc rút lui tàn tệ này nó đã phá huỷ mau chóng quân phong quân kỷ và tinh thần chiến đấu của quân lực VNCH. Một quân đội mà trước đó đã bị hoang mang giao động bởi những đòn cân não của cả bạn lẫn thù. Hậu quả tất nhiên là quân sĩ sẽ không còn muốn chiến đấu mà chỉ muốn tháo chạy sao cho an toàn bản thân và gia đình, để có cơ may tồn tại trong một giải pháp chính trị tương lai đã được định đoạt. Hầu như binh lính VNCH đều có tâm trạng không muốn là người phải hy sinh vào giờ thứ hai mươi lăm của cuộc chiến.

3) THÀM CẢNH CUỐI CÙNG KẾT THÚC MỘT QUÁ TRÌNH, MỘT CUỘC CHIẾN.

Thăm cảnh bắt đầu từ vụ Ban Mê Thuột thất thủ, tiếp đến là quyết định của TT Thiệu bỏ ngò Cao nguyên cho Cộng quân, di tản chiến thuật. Thế là quân dân các vùng di tản bị rơi vào tình cảnh tán loạn. Nhiều quân nhân bỏ ngũ chạy về lo cho gia đình di tản. Những người dân thường cũng rời bỏ cửa nhà, ruộng vườn, tài sản tháo chạy về phía tự do như dòng thác đổ. Người ta ghi nhận có đến nửa triệu quân dân Cao nguyên di tản về Nha Trang, một tỉnh ven biển của VNCH, phòng tuyến cuối cùng của Quân đoàn 2. . . “mà sau quyết định của ông Thiệu, Quân đoàn 2 tan vỡ nhanh như một giấc chiêm bao, mới đầu hôm sớm mai mà Quân đoàn đã bị tiêu huỷ trong nháy mắt. Hành lang phía Tây Sài Gòn bị đe dọa trầm trọng...” (27) Trong khi đó ở Huế quân dân rút về Đà Nẵng, rồi tranh nhau tìm đường ra biển. Một số

khác theo đường bộ thảo chạy về phía Nam như một “Đại lộ kinh hoàng”. Vì trên đại lộ ấy, nhiều cảnh đau lòng đã diễn ra. Người ta đã phải chứng kiến cảnh tranh sống sát hại lẫn nhau, nạn thổ phỉ cướp bóc, hãm hiếp công khai giữa thanh thiên bạch nhật. Mọi giá trị nhân bản, đạo đức bị chà đạp, tình huynh đệ chi binh, nghĩa đồng bào trở thành xa lạ trong cuộc rút lui hỗn loạn này. Hoạt cảnh này cũng diễn ra tương tự ở nhiều tuyến “Rút lui chiến thuật” khác trên các nẻo đường đất nước. Mọi người thảo chạy về phía tự do vì lúc ấy có lời đồn đại “Đã có thương lượng cho CSBV một nửa lãnh thổ VNCH mà không chống cự . .”

Quả thực đến đầu tháng Tư năm 1975, một nửa lãnh thổ VNCH đã bị bỏ ngỏ cho Cộng quân đến tiếp quản. Tốc độ rút quân quá nhanh đến độ đối phương không kịp tiếp thu, không đủ người và thực ra cũng không cần đủ người để giữ đất. Trong vòng vài tuần, 150,000 binh sĩ quân lực VNCH đã tự huỷ và mất khả năng chiến đấu. Thế quân bình chiến lược hoàn toàn bị đảo ngược. Chế độ VNCH ở MNVN lâm nguy! Mặc dầu thực tế diễn ra như vậy là đúng với ý muốn của Hoa Kỳ, nhưng TT Gerald Ford lúc đó vẫn làm ra vẻ quan tâm đến việc cứu vớt số phận đã được an bài của VNCH. Ông Ford đã đề nghị ngân sách viện trợ quân sự bổ sung 700 triệu Mỹ kim trang bị và lập cầu không vận khẩn cấp chuyển đồ tiếp tế cho quân lực VNCH. Hành động này của TT Ford chẳng khác chi hành động của một nhà đạo đức giả, một bác sĩ vô lương tâm, biết rằng con bệnh sắp chết, nhất định phải chết và cái chết này có một phần do mình gây ra, nhưng vẫn tỏ ra hết lòng muốn cứu sống con bệnh. Dầu sao đó cũng chỉ là những lời tuyên bố để che đậy một

ý đồ, cũng chẳng thay đổi được thực tế.

Thực tế lúc đó là ông Bùi Diễm, Đại sứ VNCH tại Mỹ, đã từ Washington trở về tuyên bố một cách tuyệt vọng rằng “Không còn hy vọng gì về phía Mỹ nữa, chúng ta phải tính đến các điều kiện thực tế. . .” Thực tế là một nửa nước đã mất, người ta chỉ còn trông chờ vào một cứu tinh. Nhưng nào còn ai dám làm cứu tinh, khi người Mỹ đã bỏ cuộc. Vậy chỉ còn trông chờ một phép lạ, mà phép lạ thì siêu hình khó xảy ra. Vậy chỉ còn cách chấp nhận thực tế mà tờ New York Time số ra ngày 1-4-75 đã phản ánh tổng quát: “Quần Bắc Việt đã tràn lên khắp đất nước và chỉ gặp vài kháng cự lẻ tẻ, lãnh thổ bị chiếm là do bỏ cuộc thực sự. . .”

Theo sự đánh giá tình hình của một nhân viên cao cấp CIA có mặt vào những giờ phút hấp hối của chế độ VNCH thì “Lúc này, để bảo vệ Sài Gòn quân Nam Việt Nam đang toi tã, chỉ còn tương đương 6 sư đoàn, đương đầu với 18 sư đoàn quân Bắc Việt, một đa số áp đảo. Điều mà Nam Việt Nam hy vọng thực hiện là lập một phòng tuyến ngự cuối cùng chạy từ một phần đất cao nguyên xuống tới bờ biển miền Trung, xuyên ngang thị trấn Xuân Lộc...” (28)

Thế nhưng tình hình thực tế ngày một nguy kịch. Trong lúc lâm nguy người ta lại nói nhiều đến giải pháp được Mỹ khuyến khích từ lâu, là thương lượng với CS để thành lập một chính phủ liên hiệp ba thành phần. Đây cũng là giải pháp tương tự từng được qui định trong Hiệp định Genève 1954, nhưng đã không được các bên thực hiện. Đó cũng là giải pháp bị bác bỏ năm 1965 vì đường lối chiến tranh đã được lựa chọn. Nay một lần nữa là giải

pháp được lựa chọn trong Hiệp định Paris về chấm dứt chiến tranh lập lại hoà bình cho VN năm 1973. Thực ra đây là một giải pháp chỉ có giá trị pháp lý, trên nguyên tắc, thực tâm người Mỹ không muốn nó được thực hiện, vì họ không còn muốn dính líu thêm nữa mà chỉ muốn cắt bỏ chế độ VNCH càng sớm càng tốt. Vì rằng, để cho chế độ này tồn tại dưới bất cứ hình thức nào đều làm cản trở tiến trình đi vào thế chiến lược quốc tế mới của Mỹ. Điều này cũng phù hợp với tham vọng của CS Hà Nội, không muốn thương thuyết trong điều kiện hiện tại quá thuận lợi, mà chỉ cần ông Thiệu bị lật đổ bằng chính người của ông ta. Họ muốn chế độ VNCH sụp đổ trước khi họ đến tiếp quản mà không phải tàn phá giết chóc nhiều. Họ muốn một sự sụp đổ từ từ để còn cho họ nguyên vẹn những chiến lợi phẩm, đúng ra là mọi tài sản của chế độ bị sụp đổ không do sức mạnh chiến đấu của họ.

Đúng như lòng mong muốn của Hà Nội, ông Thiệu đã phải từ chức, với một bài diễn văn gay gắt tố cáo sự phản bội của Mỹ, được truyền đi trên các phương tiện truyền thông đại chúng, phương tiện mà trước đó Mỹ đã thiết lập cho chế độ VNCH làm công việc tuyên truyền lôi kéo những con tim, khối óc và cả mạng sống của nhân dân MNVN đi vào chiến lược “Chống Cộng bảo vệ tự do, dân chủ” của Mỹ! Đây là những lời tố cáo muộn màng của ông Thiệu : “*Họ bỏ rơi chúng tôi. Họ bán rẻ chúng tôi. Họ đâm sau lưng chúng tôi. Thật vậy, họ đã phản chúng tôi. Một nước đồng minh lớn đã không làm tròn lời hứa với một nước đồng minh nhỏ...*” (29) (Lại một lần nữa, cho đến lúc này ông Thiệu vẫn chưa nhận ra thực trạng này: Chưa bao giờ VNCH được Mỹ đối xử như một đồng minh . . .). Rồi ông Thiệu hàn

học oán trách người Mỹ : “*Các ông bỏ chạy để mặc chúng tôi làm cái việc mà các ông làm không xong. Chúng tôi không có gì hết mà các ông lại muốn chúng tôi hoàn thành điều mà các ông không làm nổi . . . Khi ký Hiệp định hoà bình, Mỹ đã thoả thuận sẽ thay thế vũ khí trên căn bản một đổi một. Nhưng Mỹ không giữ lời. Ngày nay còn ai có thể tin vào lời hứa hẹn của Mỹ nữa hay không ? . . .*” (30)

Ngày 26-4-1975, nghĩa là năm ngày sau khi TT Thiệu từ chức, Quốc Hội Sài Gòn đã khởi đầu bằng một thông báo, theo đó người được Tổng thống Thiệu chỉ định nắm quyền Tổng thống VNCH (theo Hiến pháp) là Phó Tổng thống Trần Văn Hương, nay được Quốc hội uỷ nhiệm quyền tuyển chọn một người thay thế ông trong chức vụ Tổng thống VNCH. Trên căn bản thông báo này, Quyền Tổng thống Trần Văn Hương đã chỉ định Tướng Dương Văn Minh làm Tổng thống VNCH (ngoài dự liệu của Hiến pháp). Ngày 28-4-1975, Tướng Minh nhậm chức, cử giáo sư Vũ Văn Mẫu vào chức vụ Thủ tướng, đứng ra thành lập chính phủ hoà giải, thay thế chính phủ chống cộng cuối cùng của ông Nguyễn Bá Cẩn mới được thành lập trước đó một tuần.

Như vậy là Tướng Dương Văn Minh, người hùng của cuộc đảo chánh năm 1963, đưa đến sự cáo chung nền Đế nhất VNCH, nay lại được tuyển chọn làm nhiệm vụ khai tử nền Đế nhị VNCH mà chính ông đã góp phần quan trọng tạo dựng.

Mặc dầu hai ông Tổng thống Dương Văn Minh và Thủ tướng Vũ Văn Mẫu đã có gắng đơn phương giương cao ngọn cờ “*Hoà giải và hoà hợp dân tộc*” với một số

động tác mời chào giả tạo như ra thông cáo giả vờ đuổi hết người Mỹ, rằng trong vòng 48 giờ, người Mỹ cuối cùng phải rời khỏi Việt Nam; ra quyết định thả hết các tù chính trị (tức tù Việt cộng). . . Nhưng tất cả đã muộn rồi, CSBV đã cảm thấy đang ở thế thượng phong, chẳng cần “hoà giải, hoà hợp” với ai.

Sau đây là một đoạn tường trình của một nhà văn Việt cộng về những giây phút cuối cùng của cái chính phủ “hoà giải, hoà hợp”:

“ . . . 11 giờ 30 ngày 30 tháng 4 năm 1975.

Chiếc xe tăng tiến vào xô đổ cánh cửa sắt của Dinh Độc Lập. Từ trên xe nhảy xuống, một tổ chiến sĩ Quân Giải Phóng trẻ măng mặc đồng phục lá cây, cầm lá cờ màu đỏ xanh có ngôi sao vàng, lao nhanh về phía dinh.

Những thành viên của chính phủ Dương Văn Minh mới nhận chức ngày hôm trước về tụ tập tại phòng chính của dinh Độc Lập, đứng dậy khi những người cán bộ của Quân đoàn II, mặt sạm khói súng và bụi đường xa bước vào. Họ đã tiến quân qua nhiều thành phố suốt dọc bờ biển miền Trung tới đây.

Dương Văn Minh nói:

- Toàn thể chính phủ Việt Nam Cộng Hoà đều có mặt đợi các ngài đến để bàn giao chính quyền.

Một cán bộ nói:

- Các ông còn gì nữa để bàn giao! Các ông phải đầu hàng vô điều kiện!” (31)

Khi đọc những lời tường thuật trên đây, người bàng quan không khỏi thấy tội nghiệp cho Tướng Dương Văn Minh, khi thấy lịch sử dường như đã luôn chọn ông làm công việc “Khai sơn phá thạch”, nôm na là làm công việc

lót đường cho kẻ khác gạt hải thành quả.

Trong khi đó, một phóng viên của hãng thông tấn AP ở lại Sài Gòn đến phút chót đã kể lại :

“Không có một tiếng súng nào, hàng trăm người Sài Gòn cũng như tôi đứng há miệng nhìn đoàn xe tăng ngày càng nhiều của Cộng sản tiến vào thành phố. Đến trưa, mọi chuyện đều xong. Trong suốt 13 năm viết về chiến tranh Việt Nam, tôi không bao giờ tưởng đến chuyện nó kết thúc theo lối này. Tôi hình dung phải có một cuộc mặc cả về chính trị tương tự như đã xảy ra ở Lào mười năm về trước. Hoặc là một trận đánh theo kiểu Armageddon ở Châu Âu trong Thế chiến Hai, mà kết cuộc là thành phố bị tan nát. Chuyện đầu hàng là điều hoàn toàn tôi không ngờ tới . .” (32)

Một viên chức CIA đã rời Việt Nam trong toán CIA cuối cùng vào ngày 30-4-1975, thì đã ghi lại những hình ảnh cuối cùng của cuộc chiến như sau :

“Chiếc máy bay trực thăng đã bắt đầu rời khỏi Toà Đại sứ. Người xạ thủ ở đuôi máy bay đang cúi rạp người trên súng của mình. Máy bay vòng trên thành phố. Trong khoảnh khắc tôi có thể nhìn thấy bóng dáng của một trong những cửa sổ tiệm rượu Mini Bar, một tiệm nổi tiếng vào bậc nhất của Sài Gòn, nơi biết bao chàng lính Mỹ đã mất sạch cả cơ nghiệp cùng với sự ngây thơ của mình. Và rồi chiếc máy bay ngoặt lại, hướng về phía Nam, bay qua Biên Hoà, thấy toán xe Bắc Việt đèn sáng trưng đang uốn mình trên con đường vào Biên Hoà . . Trong phút chốc, kiến trúc khổng lồ màu xám của một tàu sân bay Mỹ đã bao lấy chúng tôi như một cái kèn khổng lồ bằng kim khí . .”(33)

Một ngày trước khi Sài Gòn rơi vào tay Hà Nội (29 -4 -1975), Đại sứ Mỹ cuối cùng Martin đã bình tĩnh ngồi ở bàn làm việc trong toà Đại sứ ở Sài Gòn đợi lệnh từ Hoa Thịnh Đốn trả lời yêu cầu của ông xin gia hạn đi tản. Từ toà Bạch Ốc đã ban ra lệnh cuối cùng : “Tổng thống Hoa Kỳ lệnh cho Đại sứ Martin phải rời đi bằng chiếc máy bay này.” Đó là chiếc máy bay CH-46 được gọi đến đón Martin mang tên “Lady Ace 09” (33 bis)

Như vậy là cuộc chiến tranh Việt Nam đã chấm dứt, với thái độ phũ phàng không thương tiếc của Hoa Kỳ, người khởi đầu và cũng là người kết thúc một chế độ công cụ của mình. Michael Maclear, một nhà báo Mỹ trong cuốn “Việt Nam, cuộc chiến tranh mười nghìn ngày” đã viết cảm tưởng của Martin đối với cuộc chiến kết thúc là “thấy nhẹ cả người”. Đó là cuộc chiến tranh chưa bao giờ được chính thức gọi là chiến tranh, dù nó là cuộc chiến tranh dài nhất của Mỹ đã chấm dứt. Nó là “một cuộc xung đột”, “một sự dính líu”, “một kinh nghiệm” và thất bại của nó các sử gia có thể phân xét, không phải là mối bận tâm của nhân dân Mỹ. Rất đơn giản, họ nghĩ là họ đã chiến đấu, hoặc người của họ đã chiến đấu, thế là đủ. Từ hai năm về trước, họ đã thực hiện được một nền hoà bình cho họ tại Việt Nam. Hầu hết người Mỹ đã cảm thấy một “nền hoà bình trong danh dự” đã đạt được như người ta bảo. Giờ đây, họ đang nhìn với vẻ bàng quan chán ngắt, có đôi chút sùng sốt, song sự thật không phải hoàn toàn bị bất ngờ. Tám năm chiến đấu của Mỹ, chỉ trong nhiều tuần đã trở thành vô nghĩa . .

Vô nghĩa ư ? Thực ra cuộc chiến tranh Việt Nam kết thúc như thế đã chỉ có thể là vô ích với nhân dân Mỹ, khi mà họ đã phải gánh chịu mọi chi phí cho cuộc chiến, với

cái giá máu xương của 56.000 binh sĩ con em họ phải bỏ mạng tại Việt Nam, mà vẫn không thực hiện được mục đích cao cả là giúp nhân dân Nam Việt Nam bảo vệ được phần đất tự do. Nhưng nó vẫn có ý nghĩa đối với chính quyền Mỹ, khi sự kết thúc chiến tranh đến vào lúc mà mục tiêu chiến lược của họ đã đạt được qua cuộc chiến, mở ra một thời kỳ đầy triển vọng sau chiến tranh cho công cuộc làm ăn mới của giới tư bản Mỹ ở vùng này, trong khung cảnh một thế chiến lược quốc tế mới.

Riêng đối với nhân dân Việt Nam, cuộc chiến tranh kéo dài trên 20 năm quả là vô nghĩa. Và sự chấm dứt cuộc chiến tranh cốt nhục tương tàn này vừa là nỗi đau, vừa là niềm vui chung cho cả dân tộc Việt Nam. Là nỗi đau cho nhân dân miền Bắc vì đã từng sống khổ cực, hy sinh chiến đấu cho những chiêu bài giả hiệu “Độc lập dân tộc, Chống đế quốc, Giải phóng miền Nam, Thống nhất, Hoà bình, Ấm no, Hạnh phúc. . .” Cũng là nỗi đau của nhân dân yêu chuộng “Tự do Dân chủ” ở miền Nam vì đã ngay tình và nhiệt tình lao vào cuộc chiến bảo vệ chế độ tự do dân chủ. Từ nỗi đau chung này, nhân dân hai miền Bắc Nam Việt Nam đều có chung một mối hận đối với những kẻ cầm quyền, từng là công cụ đắc lực một thời cho ngoại bang. Tại sao cũng trong gong kèn của chủ nghĩa thực dân mới, Bắc Hàn và Nam Hàn đã có thể cùng tồn tại để rồi cũng sẽ thống nhất trong tương lai không xa một cách hoà bình. Công tội của các tập đoàn lãnh đạo hai miền trong quá khứ cũng như hiện tại rồi đây sẽ được lịch sử phán quyết công minh. Hiện tại, cuộc chiến chấm dứt cần được coi là niềm vui chung của cả dân tộc, vì đây là cơ may mới cho đất nước vươn lên trong thời kỳ các nước giàu tỏ ra có thực tâm muốn giúp các nước nghèo đi vào ổn định để phát triển.



Ngày 5-4-1975, TT Thiệu chấp nhận từ chức, trao quyền Tổng thống cho Phó TT Trần Văn Hương và hứa trở lại vị trí chiến đấu bên cạnh binh sĩ...



Ngày 21-4-1975, trước khi kịp "lưu vong", ông Thiệu đã tố cáo mưu đồ của Hoa Kỳ phản bội đồng minh...



Under pressure from the French and finally even from the Americans, Huong yielded to General Duong Van ("Big") Minh. Here Minh is deep in thought mome

Ngày 28-4-1975, Quyền Tổng thống Trần Văn Hương trao chức Tổng thống cho Tướng Dương Văn Minh.



Nhân dân theo gót chân "di tản chiến thuật" của quân đội, dồn về Sài Gòn, vì lời đồn đãi về một chính phủ liên hiệp sẽ cắt đất, chia đất cho CS...



Graham Martin, Đại sứ Hoa Kỳ cuối cùng tại MNVN và các phụ tá thân cận chuẩn bị lên máy bay rời Sài Gòn, chỉ một ngày trước khi quân CSBV có mặt..



Một trong nhiều cảnh chen lấn “di tản” trong những ngày cuối tháng 4-1975, trước khi chế độ VNCH sụp đổ.